

MINH HẰNG
Sachhoc.com

40 ĐỀ KIỂM TRA

MÔN
SACHHOC.COM
TIẾNG VIỆT

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I,II

3

TỦ SÁCH LUYỆN THI

MINH HẰNG

**40 ĐỀ KIỂM TRA MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3
HỌC KỲ 1,2**

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 (10 đề)

ĐỀ SỐ 1:

A. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (6 điểm)

II. Đọc thầm (4 điểm)

Giáo viên cho học sinh đọc thầm bài tập đọc “Chiếc áo len” SGK Tiếng Việt 3 tập 1 trang 20 và làm bài tập

Khoanh tròn trước ý trả lời đúng nhất cho từng câu hỏi 1; 2; 3 dưới đây:

Câu 1: Chiếc áo len của bạn Hòa đẹp và tiện lợi như thế nào ?

- A. Áo màu vàng, có dây kéo ở giữa, có mũ để đội, ấm ới là ấm.
- B. Áo màu vàng, có mũ để đội, ấm ới là ấm.
- C. Áo màu vàng, có dây kéo, ấm ới là ấm.
- D. Có dây kéo ở giữa, có mũ để đội, ấm ới là ấm.

Câu 2: Vì sao Lan đổi mẹ ?

- A. Vì mẹ sẽ mua áo cho cả hai anh em.
- B. Vì mẹ nói rằng cái áo của Hòa đắt bằng tiền cả hai chiếc áo của hai anh em Lan.
- C. Chờ khi nào mẹ có tiền mẹ sẽ mua cho cả hai anh em.
- D. Mẹ mua áo cho anh của Lan.

Câu 3: Anh Tuấn nói với mẹ những gì?

- A. Mẹ hãy dành tiền mua áo ấm cho em Lan.
- B. Mẹ hãy dành tiền mua áo ấm cho con và em Lan.
- C. Mẹ không cần mua áo cho ai hết, con mặc nhiều áo cũ là được rồi.
- D. Mẹ chỉ mua áo cho con thôi.

Câu 4: Hãy đặt câu theo mẫu Ai là gì ? để nói về: “Bạn Tuấn trong truyện Chiếc áo len”

B. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Chính tả nghe - viết (5 điểm)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài “Người mẹ” SGK Tiếng Việt 3 tập 1 trang 30 (viết từ: “Một bà mẹ.... được tất cả”)

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Đề bài: Viết một đoạn văn ngắn (5- 7 câu) kể về một người hàng xóm mà em yêu mến.

Gợi ý:

- Người đó tên là gì? Bao nhiêu tuổi?
- Người đó làm nghề gì?
- Tình cảm của gia đình em đối với người hàng xóm như thế nào?
- Tình cảm của người hàng xóm đối với gia đình em như thế nào?

ĐỀ SỐ 2:

A. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (6 điểm)

II. Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

Đọc thầm bài “Các em nhỏ và cụ già” SGK Tiếng Việt 3 tập 1 trang 63 và làm các bài tập bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng cho các câu hỏi 1, 2, 3 và 4.

Câu 1: Tâm trạng của ông cụ như thế nào?

- A. Ông đang rất buồn.
- B. Ông đang rất vui.
- C. Ông đã hết buồn và chợt vui.

Câu 2: Ông cụ định đi đâu?

- A. Ông cụ đi về nhà.
- B. Ông cụ đi đến bệnh viện.
- C. Ông cụ đi đến chợ.

Câu 3: Vì sao sau khi trò chuyện với các em nhỏ, ông cụ thấy lòng mình nhẹ hơn?

- A. Ông thấy cô đơn.
- B. Ông thấy buồn chán.
- C. Ông thấy được an ủi.

Câu 4: Trong câu “ Ông đang rất buồn”, bộ phận được gạch dưới trả lời cho câu hỏi nào?

- A. Làm gì?
- B. Là gì?
- C. Ai?

B. KIỂM TRA VIẾT (10 đ)

I. Chính tả (5 đ)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài “Bài tập làm văn” SGK Tiếng Việt 3 tập 1 trang 48.

II. Tập làm văn (5 điểm)

Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn từ 4 đến 5 câu để kể về gia đình, dựa vào các câu gợi ý sau:

- Gia đình em có bao nhiêu người?
- Bố mẹ em làm nghề gì?
- Tính tình của bố mẹ em như thế nào?
- Cảm giác của em khi sống trong gia đình thấy thế nào?

ĐỀ SỐ 3

A. KIỂM TRA ĐỌC: (10điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6điểm)

II. Đọc thầm: (4điểm)

GV cho HS đọc thầm bài “**Người lính dũng cảm**” SGK Tiếng việt 3 tập 1 (trang 38, 39) và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Các bạn nhỏ trong chuyện chơi trò chơi gì?

- A. Kéo co.
- B. Trốn tìm.
- C. Đánh trận giả.

Câu 2: Vì sao chú lính nhỏ quyết định chui qua lỗ hồng dưới chân rào?

- A. Chú lính sợ làm đổ hàng rào vườn trường.
- B. Chú sợ các bạn phát hiện được mình.
- C. Chú muốn tìm một vật gì đó.

Câu 3: Việc leo rào của các bạn đã gây hậu quả gì?

- A. Bị bác bảo vệ phạt.
- B. Một bạn nhỏ bị thương ở chân.
- C. Hàng rào đổ, tướng sĩ ngã đè lên luống hoa mười giờ, hàng rào đè lên chú lính nhỏ.

Câu 4: Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm?

Chú lính nhỏ là người lính dũng cảm.

.....

B. KIỂM TRA VIẾT: (10điểm)

I. Chính tả: (5điểm)

GV đọc cho HS viết bài chính tả “**Cô giáo tí hon**” từ “*Bé treo nón ... đánh vắn theo*” SGK Tiếng việt 3 tập 1 (trang 17, 18).

II. Tập làm văn: (5điểm)

Viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu) kể về gia đình em. Dựa vào các gợi ý sau:

- a. Gia đình em gồm mấy người? Đó là những ai?
- b. Những người trong gia đình làm công việc gì?
- c. Tính tình mỗi người như thế nào?
- d. Những người trong gia đình yêu thương em như thế nào?
- e. Em yêu quý những người trong gia đình em như thế nào?

ĐỀ SỐ 4

A. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (6 điểm)

II. Đọc thầm (4 điểm)

Giáo viên cho học sinh đọc thầm bài tập đọc “**Người mẹ**” SGK Tiếng Việt 3, Tập 1 trang 29,30 và làm bài tập

Khoanh tròn trước ý trả lời đúng cho từng câu hỏi 1, 2, 3 dưới đây:

Câu 1. Ai là người đã bắt con của bà mẹ?

- A. Thần Đêm Tối
- B. Thần Chết
- C. Một cụ già

Câu 2. Bà mẹ đã gặp những vật gì trên đường đi tìm đứa con?

- A. Bụi gai
- B. Hồ nước
- C. Cả A và B

Câu 3. Khi thấy bà mẹ Thần Chết đã có thái độ như thế nào?

- A. Thờ ơ
- B. Ngạc nhiên
- C. Vui vẻ

Câu 4. Em hãy gạch chân hình ảnh so sánh trong những câu sau:

- A. Thần Chết chạy nhanh hơn gió
- B. Tuấn khỏe hơn Thanh

B. KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

I. Chính tả nghe - viết (5 điểm)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài “**Bài tập làm văn**” SGK Tiếng Việt 3, tập 1 trang 46 (viết từ “Có lần,đến Đôi khi, em giặt khăn mùi soa”).

II. Tập làm văn (5 điểm)

Đề bài: Viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu) kể lại buổi đầu em đi học.

Gợi ý:

1. Buổi đầu đi học của em vào buổi nào (buổi sáng hay buổi trưa)?
2. Ai là người đã chuẩn bị (sách, vở, bút, thước,...) cho em?
3. Ai là người đưa em đến trường?
4. Lần đầu tiên đến trường em cảm thấy như thế nào?
5. Em có cảm nghĩ gì khi về nhà?

ĐỀ SỐ 5

A. KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (6 điểm)

II. Đọc thầm và làm bài tập: (4 điểm)

Giáo viên cho học sinh đọc thầm bài "**Người mẹ**" (SGK Tiếng Việt 3 - tập I, trang 29,30), khoanh tròn trước ý đúng cho các câu hỏi 1,2,4 và làm bài tập 3:

Câu 1: Thần Chết đã bắt mất con của bà mẹ lúc nào?

- A. Lúc bà mẹ chạy ra ngoài.
- B. Lúc bà vừa thiếp đi một lúc.
- C. Lúc bà đang thức trông con.

Câu 2: Người mẹ đã làm gì để bụi gai chỉ đường cho bà?

- A. Ôm ghì bụi gai vào lòng để sưởi ấm cho nó.
- B. Giữ sạch băng tuyết bám đầy bụi gai.
- C. Chăm sóc bụi gai hằng ngày.

Câu 3: Viết lại hình ảnh so sánh và từ so sánh trong các câu thơ sau:

“Trẻ em như búp trên cành
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.”

- Hình ảnh so sánh:
- Từ so sánh:

Câu 4: Câu nào sau đây được cấu tạo theo mẫu câu “Ai là gì?”

- A. Người mẹ không sợ Thần Chết.
- B. Người mẹ có thể hi sinh tất cả vì con.
- C. Người mẹ là người rất dũng cảm.

B. KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

I. Viết chính tả: (5 điểm)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài “**Nhớ lại buổi đầu đi học**” SGK Tiếng Việt 3 - tập 1, trang 51 và 52 đoạn: “*Cũng như tôi...đến hết*”.

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu) kể về một người hàng xóm mà em quý mến theo gợi ý:

- a. Người đó tên là gì, bao nhiêu tuổi ?
- b. Người đó làm nghề gì ?
- c. Tình cảm của gia đình em đối với người hàng xóm như thế nào ?
- d. Tình cảm của người hàng xóm đối với gia đình em như thế nào ?

ĐỀ SỐ 6

A. KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (6 điểm)

II. Đọc thầm và làm bài tập: (4 điểm)

Đọc thầm bài thơ “**Bận**” (Sách Tiếng Việt Ba trang 59 - 60) và trả lời các câu hỏi sau bằng cách khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1: (0,5 điểm) “**Bận**” là tên bài thơ của tác giả nào ?

- A. Xuân Diệu
- B. Trần Đăng Khoa
- C. Trinh Đường
- D. Phạm Duy

Câu 2: (0,5 điểm) Mọi người xung quanh bé bạn những gì ?

- A. Cây lúa
- B. Đánh thù
- C. Thổi nấu và hát ru
- D. Cả A, B, C

Câu 3: (0,5 điểm) Em bé bạn những gì ?

- A. Bạn bú, bạn chơi
- B. Bạn khóc, cười
- C. Bạn nhìn ánh sáng
- D. Cả A, B, C

Câu 4: (0,5 điểm) Vì sao mọi người, mọi vật bạn rộn nhưng vẫn vui ?

- A. Vì mọi người, mọi vật thích làm việc.
- B. Vì làm việc tốt, người và vật thấy khoẻ ra.
- C. Vì việc tốt đem lại lợi ích cho cuộc đời nên người và vật dù bạn làm việc tốt vẫn thấy vui.

Câu 5: (1 điểm) Điền thêm từ ngữ thích hợp vào ô trống để tạo thành hình ảnh so sánh.

- a) Tiếng gió rừng vi vu như
- b) Sương sớm lạnh lạnh tựa

Câu 6: (1 điểm) Hãy đặt một câu theo mẫu Ai là gì ? để nói về:

Bạn nhỏ trong bài thơ Quạt cho bà ngủ.

B. KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

I. PHẦN CHÍNH TẢ (5 điểm) Thời gian 15 phút

Học sinh nghe - viết: Bài Người lính dũng cảm (từ Viên tướng khoát tay ... đến hết) Sách Tiếng Việt 3 - trang 39.

II. PHẦN TẬP LÀM VĂN: (5 điểm) Thời gian 30 phút

Đề bài: Viết đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu) kể về người hàng xóm mà em quý mến.

ĐỀ SỐ 7

A. KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (6 điểm)

II. Đọc thầm và làm bài tập: (4 điểm)

Đọc bài “TRẬN BÓNG DƯỚI LÒNG ĐƯỜNG” (trang 54 – tuần 7 sách Tiếng Việt lớp 3- tập I)

Dựa vào nội dung bài “TRẬN BÓNG DƯỚI LÒNG ĐƯỜNG” để khoanh vào trước chữ cái đầu câu trả lời đúng trong các câu dưới đây:

Câu 1. Các bạn nhỏ chơi đá bóng ở đâu?

- A. Ở bên lề đường.
- B. Ở dưới lòng đường.
- C. Ở vỉa hè.

Câu 2. Sự cố bất ngờ nào khiến trận đấu phải dừng hẳn?

- A. Quả bóng vút lên cao, bay mất.
- B. Quả bóng đập vào đầu một cụ già.
- C. Quả bóng bay vào một chiếc xích lô.

Câu 3. Quang đã thể hiện sự ân hận trước tai nạn do mình gây ra như thế nào?

- A. Quang hoảng sợ bỏ chạy.
- B. Quang nấp sau một gốc cây.
- C. Quang chạy theo chiếc xích lô, vừa meo meo xin lỗi.

Câu 4. Câu nào dưới đây không có hình ảnh so sánh?

- A. Ngôi nhà như trẻ nhỏ.
- B. Ngựa tuần tra biên giới, dừng đỉnh đèo hí vang.
- C. Trẻ em như búp trên cành.

B. KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

I. Chính tả nghe - viết (5 điểm)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài “**Gió heo may**”

Bao giờ có làn gió heo may về mới thật là có mùa thu . Cái nắng gay gắt những ngày hè đã thành thóc vàng vào bờ, vào cót, vào kho và đã ẩn vào quả na, quả mít, quả hồng, quả bưởi . . . Những ngày có gió heo may dù nắng giữa trưa cũng chỉ dịu dịu, đủ cho ta mặc một chiếc áo mỏng vẫn thấy dễ chịu.

(Theo Băng Sơn)

II. Tập làm văn (5 điểm)

Đề bài : Hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu) kể về một người hàng xóm mà em yêu quý.

A. KIỂM TRA ĐỌC. (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (6đ): GV làm thăm một trong các bài tập đọc đã học và trả lời một câu hỏi phù hợp với nội dung bài

II. Đọc thầm và trả lời câu hỏi: " Trận bóng dưới lòng đường " - Tr 54

Khoanh vào trước câu trả lời đúng nhất.(4 điểm)

Câu 1. Vì sao trận bóng lại tạm dừng lần đầu?

- A. Vì các bạn bị cảnh sát đuổi.
- B. Vì Long mãi đá bóng suýt tông vào xe gắn máy.
- C. Cả hai ý trên.

Câu 2 Vì sao trận bóng phải dừng hẳn?

- A. Vì Quang đã sút bóng vào người ông nội mình.
- B. Vì các bạn mệt không đá bóng nữa.
- C. Quang sút bóng vào một cụ già đi đường làm cụ bị thương.

Câu 3. Ý nghĩa của câu chuyện:

- A. Phải biết nghe lời người lớn.
- B. Phải biết ân hận khi gây tai họa cho người khác.
- C. Phải tôn trọng quy định về trật tự nơi công cộng và tôn trọng luật giao thông.

Câu 4. Trong câu

*"Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa."*

Có các sự vật được so sánh với nhau là:

B. KIỂM TRA VIẾT. (10 điểm)

I. Chính tả.(Nghe –Viết) " Ông ngoại" (tr34) (4điểm) Từ đầu đến chữ cái đầu tiên

Bài tập: Điền vào chỗ trống " n" hay "l" (1điểm)

Cái ... ọ ...ục bình ...óngánh ...ước ...on

II. Tập làm văn: Hãy viết một đoạn văn ngắn (6 đến 8 câu) kể lại buổi đầu em đi học (5đ)

ĐỀ SỐ 9

A. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (6điểm)

- Giáo viên cho học sinh đọc một đoạn trong các bài Tập đọc từ tuần 1 đến tuần 9 SGK Tiếng Việt 3 – Tập 1.
- Trả lời một câu hỏi về nội dung đoạn đó do giáo viên nêu.

II. Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

QUẠT CHO BÀ NGỦ

Oi chích chòe ơi !	Căn nhà đã vắng
Chim đừng hót nữa,	Cốc chén nằm im
Bà em ốm rồi,	Đôi mắt lim dim
Lặng cho bà ngủ.	Ngủ ngon bà nhé.

Bàn tay bé nhỏ	Hoa cam, hoa khế
Vẫy quạt thật đều	Chín lạng trong vườn,
Ngán nằng thiêu thiêu	Bà mơ tay cháu
Đậu trên tường trắng .	Quạt đầy hương thơm .

(THẠCH QUỲ)

Học sinh đọc thầm bài "Quạt cho bà ngủ " rồi thực hiện các yêu cầu sau :
Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng các câu hỏi dưới đây :

Câu 1. Vì sao bạn nhỏ không muốn chim chích chòe hót ?

- A. Vì chim chích chòe hót không hay.
- B. Vì bà bị ốm bé không có tâm trạng nào để nghe chim hót.
- C. Vì sợ chim hót gây ra tiếng động, bà không ngủ được

Câu 2. Vì sao bạn nhỏ phải quạt cho bà ngủ ?

- A. Vì bà bạn nhỏ thích bạn quạt cho bà ngủ .
- B. Vì bà bạn nhỏ bị ốm.
- C. Vì bố mẹ bảo bạn quạt cho bà.

Câu 3. Ý nghĩa của bài thơ là gì ?

- A. Nói về việc bé quạt cho bà ngủ.
- B. Nói về việc bà ốm.
- C. Nói về tình cảm yêu thương của bé với bà thông qua việc bé quạt cho bà ngủ.

Câu 4. Câu "Cốc chén nằm im" thuộc kiểu câu nào trong các kiểu câu sau :

- A. Ai là gì ?
- B. Ai làm gì ?
- C. Thế nào ?

B. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Chính tả nghe – viết : (5 điểm)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài trong khoảng 15 phút. Bài : "Nhớ lại buổi đầu đi học" Trang 51 - Sách Tiếng Việt 3 (Từ : Hằng năm quang đăng)

II. Tập làm văn : (5 điểm)

Đề bài : Em hãy viết 1 đoạn văn (từ 5 - 7 câu) kể về gia đình em cho một người bạn mới quen.

ĐỀ SỐ 10

A. KIỂM TẢ ĐỌC (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (6 điểm):

Kiểm tra đọc thành tiếng các bài tập đọc của tuần 1 đến tuần 8.

II. Đọc hiểu và làm bài tập: (4 điểm)

Đọc thầm đoạn văn sau:

Kiến Mẹ và các con

Kiến là một gia đình lớn. Kiến Mẹ có chín nghìn bảy trăm con. Tối nào Kiến Mẹ cũng tắt bật trong phòng ngủ của đàn con để vỗ về và thơm từng đứa:

- Chúc con ngủ ngon! Mẹ yêu con.

Suốt đêm Kiến Mẹ không hề chớp mắt để hôn đàn con. Nhưng cho đến lúc mặt trời mọc, lũ kiến con vẫn chưa được mẹ thơm hết lượt. Vì thương Kiến Mẹ quá vất vả, bác Cú Mèo đã nghĩ ra một cách. Buổi tối, đến giờ đi ngủ, tất cả lũ kiến con đều lên giường nằm trên những chiếc đệm xinh xinh. Kiến Mẹ đến thơm vào má chú kiến con nằm ở hàng đầu tiên. Sau khi được mẹ thơm, chú kiến này quay sang thơm vào má kiến con bên cạnh và thầm thì:

- Mẹ gửi một cái hôn cho em đây!

Cứ thế lần lượt các kiến con hôn truyền nhau và nhờ thế Kiến Mẹ có thể chớp mắt mà vẫn âu yếm được cả đàn con.

*** Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi dưới đây:**

Câu 1 (1 điểm): Kiến Mẹ có bao nhiêu con?

A. 970

B. 1970

C. 9700

Câu 2 (1 điểm): Vì sao cả đêm Kiến Mẹ không chớp mắt?

A. Vì Kiến Mẹ tắt bật trong phòng ngủ chăm con.

B. Vì Kiến Mẹ muốn hôn tất cả các con.

C. Vì Kiến Mẹ phải đợi mặt trời mọc.

Câu 3 (1 điểm): Bác Cú Mèo đã nghĩ ra cách gì để Kiến Mẹ đỡ vất vả.

A. Kiến Mẹ thơm chú kiến con nằm ở hàng cuối và nói: “Mẹ yêu tất cả các con.”

B. Kiến Mẹ thơm hai chú kiến con nằm ở hàng đầu và hàng cuối, các con hôn truyền nhau.

C. Kiến Mẹ thơm chú kiến con ở hàng đầu, các con hôn truyền nhau.

Câu 4 (1 điểm): Nội dung của đoạn văn trên nói về điều gì?

.....

.....

B. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Chính tả (5 điểm)

Viết đoạn 3 bài: Tập đọc lớp 3: Nhớ lại buổi đầu đi học, SGK Tiếng Việt 3 trang 51 (Cũng như tôi....phải rụt rè trong cảnh lạ).

II. Tập làm văn (5 điểm)

Viết đoạn văn từ 8 đến 10 câu kể về một người hàng xóm mà em quý mến.

ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ 1 MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 (10 ĐỀ)

ĐỀ SỐ 1

A. Kiểm tra đọc (10đ)

I. Kiểm tra đọc thành tiếng (4đ)

HS bốc thăm và đọc một đoạn khoảng 50 chữ/phút và trả lời một câu hỏi trong các bài tập đọc đó.

II. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra từ và câu (6đ)

Đọc bài sau và trả lời câu hỏi:

CỬA TÙNG

Thuyền chúng tôi đang xuôi dòng Bến Hải – con sông in đậm dấu ấn lịch sử một thời chống Mỹ cứu nước. Đồi bờ thôn xóm mướt màu xanh lũy tre làng và những rặng phi lao rì rào gió thổi.

Từ cầu Hiền Lương thuyền xuôi khoảng sáu cây số nữa là đã gặp biển cả mênh mông. Nơi dòng Bến Hải gặp sóng biển khơi ấy chính là Cửa Tùng. Bãi cát ở đây từng được ngợi ca là “Bà chúa của các bãi tắm”. Diệu kì thay trong một ngày, Cửa Tùng có ba sắc màu nước biển. Bình minh, mặt trời như chiếc thau đồng đỏ ối chiếu xuống mặt biển, nước biển nhuộm màu hồng nhạt. Trưa, nước biển xanh lơ và khi chiều tà thì đổi sang màu xanh lục.

Người xưa đã ví bờ biển Cửa Tùng giống như một chiếc lược đồi mồi cài vào mái tóc bạch kim của sóng biển.

(Theo Thụy Chương)

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất.

Câu 1. Bài văn tả cảnh vùng nào? (0.5đ)

- A. Vùng biển. B. Vùng núi. C. Vùng đồng bằng.

Câu 2. Trong một ngày, Cửa Tùng có mấy sắc màu nước biển? (0.5đ)

- A. 1 sắc màu. B. 2 sắc màu. C. 3 sắc màu. D. 4 sắc màu

Câu 3. Trong câu "*Trưa, nước biển xanh lơ và khi chiều tà thì đổi sang màu xanh lục*" từ nào là từ chỉ đặc điểm? (0.5đ)

- A. Xanh lơ, xanh lục B. Nước biển C. Chiều tà

Câu 4. Trong các câu dưới đây, câu nào có hình ảnh so sánh? (0,5đ)

A. Đồi bờ thôn xóm nước màu xanh của lũy tre làng và những rặng phi lao rì rào gió thổi.

B. Người xưa đã ví bờ biển Cửa Tùng giống như một chiếc lược đồi mồi cài vào mái tóc bạch kim của sóng biển.

C. Nơi dòng Bến Hải gặp sóng biển khơi ấy chính là Cửa Tùng.

Câu 5. Em cần làm gì để các bãi biển của nước ta ngày càng sạch đẹp hơn? (1đ)

.....

.....

Câu 6. Câu "*Khi chiều tà, nước biển chuyển sang màu xanh lục.*" thuộc mẫu câu nào đã học? (1đ)

- A. Ai là gì? B. Ai làm gì? C. Ai thế nào?

Câu 7. Em đặt dấu phẩy, dấu chấm thích hợp vào ☐ trong các câu văn sau: (1đ) ☐ ☐

Mi-sút-ca Xta-xích I-go cả ba bạn đều bịa chuyện Nhưng chỉ có I-go bị gọi là kẻ nói dối xấu ☐

Câu 8. Đặt 2 câu trong đó có sử dụng biện pháp so sánh. (1đ)

B. Kiểm tra viết (10đ)

I. Chính tả nghe - viết (4đ)

Bài viết: Vàng trắng quê em. SGK TV3 tập 1/142.

II. Tập làm văn (6đ)

Viết một đoạn văn ngắn (6-8 câu) kể về thành phố nơi em đang ở.

ĐỀ SỐ 2

A. Kiểm tra đọc (10đ)

I. Kiểm tra đọc thành tiếng (3đ)

HS bốc thăm và đọc một đoạn khoảng 50 chữ/phút và trả lời một câu hỏi trong các bài tập đọc đó.

II. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra từ và câu (7đ)

Đọc thầm đoạn văn sau:

BA ĐIỀU ƯỚC

Ngày xưa, có một chàng thợ rèn tên là Rít. Chàng được một tiên ông tặng cho ba điều ước. Nghĩ trên đời chỉ có vua là sung sướng nhất, Rít ước trở thành vua. Phút chốc, chàng đã đứng trong cung cấm tấp nập người hầu. Nhưng chỉ mấy ngày, chán cảnh ăn không ngỏi rồi, Rít bỏ cung điện ra đi.

Lần kia, gặp một người đi buôn, tiền bạc nhiều vô kể, Rít lại ước có thật nhiều tiền. Điều ước được thực hiện. Nhưng có của, Rít luôn bị bọn cướp rình rập. Thế là tiền bạc cũng chẳng làm chàng vui.

Chỉ còn điều ước cuối cùng. Nhìn những đám mây bông bênh trên trời, Rít ước bay được như mây. Chàng bay khắp nơi, ngắm cảnh trên trời dưới biển. Nhưng mãi rồi cũng chán, chàng lại thèm được trở về quê.

Lò rèn của Rít lại đỏ lửa, ngày đêm vang tiếng búa đe. Sống giữa sự quý trọng của dân làng, Rít thấy sống có ích mới là điều đáng mơ ước.

(TRUYỆN CỔ TÍCH BA- NA)

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất.

Câu 1. Chàng Rít được tiên ông tặng cho những gì? (0,5 đ)

- A. Vàng bạc
- B. Lò rèn mới.
- C. Ba điều ước

Câu 2: Chuyện gì xảy ra với Rít khi chàng có của? (0,5 đ)

- A. Chán cảnh ăn không ngỏi rồi
- B. Luôn bị bọn cướp rình rập
- C. Làm chàng vui

Câu 3: Trong bài có mấy hình ảnh so sánh? Là những hình ảnh nào? (1đ)

A. 1 hình ảnh là:

.....

B. 2 hình ảnh là :

.....
C. 3 hình ảnh là:

.....
Câu 4: Câu chuyện trên muốn nói với ta điều gì? (1 đ)

.....
Câu 5. Gạch chân dưới 2 từ chỉ hoạt động trong câu văn sau: (0,5 đ)

Chàng bay khắp nơi, ngắm cảnh trên trời dưới biển.

Câu 6. Đặt dấu chấm hay dấu chấm hỏi vào cuối mỗi câu sau cho thích hợp: (0,5 đ)

- a) Điều gì mới là quan trọng đối với chàng Rít
- b) Ba điều ước của chàng Rít không làm chàng vui

Câu 7: Tìm và ghi lại một câu theo mẫu “Ai thế nào?” trong bài. (1đ)

.....
Câu 8: Khoanh vào chữ cái trước nhóm từ có từ không cùng nhóm với các từ còn lại (1đ)

- A. dòng sông, mái đình, cây đa, chân thật
- B. Bố mẹ, ông bà, anh chị, chú bác
- C. trẻ em, trẻ thơ, trẻ con, em bé

Câu 9: Viết một câu có sử dụng hình ảnh so sánh theo kiểu so sánh ngang bằng (1đ)

.....
B. Kiểm tra viết (10đ)

I.Chính tả (3 điểm):

Cây gạo

Cây gạo bền bỉ làm việc đêm ngày, chuyên cần lấy từ đất, nước và ánh sáng. Cây chỉ còn những cành trơ trụi, nom như cằn cỗi. Nhưng không, dòng nhựa trẻ đang rạo rức khắp thân cây. Xuân đến, lập tức cây gạo già lại trở lộc nảy hoa, lại gọi chim chóc tới, cành cây đầy tiếng hót và màu đỏ thắm.

(Theo VŨ TÚ NAM)

II.Tập làm văn (7 điểm):

Em hãy viết một đoạn văn từ 7 – 10 câu kể về một người mà em yêu quý.

ĐỀ SỐ 3

A. KIỂM TRA ĐỌC:

I. Đọc thành tiếng (4 điểm)

Giáo viên cho học sinh bốc thăm đọc và trả lời một câu hỏi các bài tập đọc từ tuần 10 đến tuần 17.

II. Đọc hiểu: (6 điểm)

Dựa theo nội dung bài đọc, khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho mỗi câu hỏi dưới đây:

ĐƯỜNG VÀO BẢN

Tôi sinh ra và lớn lên ở một bản hẻo lánh gần biên giới phía Bắc. Con đường từ huyện lỵ vào bản tôi rất đẹp.

Đoạn đường dành riêng cho dân bản tôi đi về phải vượt qua một con suối to. Nước suối bốn mùa trong veo, rào rào. Nước trườn qua kẽ đá, lách qua những móm đá ngầm tung bọt trắng xóa. Hoa nước bốn mùa xòe cánh trắng như trái thắm hoa đón mời khách gần xa đi về thăm bản.

Những ngày nắng đẹp, người đi trên đường nhìn xuống suối sẽ bắt gặp những đàn cá nhiều màu sắc tung tăng bơi lội. Cá như vẽ hoa, vẽ lá giữa dòng.... Bên trên đường là sườn núi thoải thoải. Núi cứ vươn mình lên cao, cao mãi. Con đường men theo một bãi rừng vầu, cây mọc san sát, thẳng tắp, dày như ống đũa. Đi trên đường, thỉnh thoảng khách còn gặp những cây cổ thụ. Có cây trám trắng, trám đen thân cao vút như đến tận trời... Những con lợn ục ịch đi lại ở ven đường, thấy người, giật mình học lên những tiếng dừ dừ rồi chạy lê cái bụng quét đất. Những con gà mái dẫn con đi kiếm ăn cạnh đường gọi nhau nháo nhác...

Con đường đã nhiều lần đưa tiễn người bản tôi đi công tác xa và cũng đã từng đón mừng cô giáo về bản dạy chữ. Nhưng dù ai đi đâu về đâu, khi bàn chân đã bén hòn đá, hòn đất trên con đường thân thuộc ấy thì chắc chắn sẽ hẹn ngày quay lại.

(Theo *Vi Hồng - Hồ Thủy Giang*)

Câu 1. Đoạn văn trên tả cảnh vùng nào?

- A. Núi
- B. Biển
- C. Đồng bằng

Câu 2. Đoạn văn trên tả cảnh gì?

- A. Suối
- B. Con đường
- C. Suối và con đường

Câu 3. Vật gì nằm ngang đường vào bản?

- A. Ngọn núi

B. Rừng vầu

C. Con suối

Câu 4. Những ngày nắng đẹp, người đi trên đường nhìn thấy gì?

A. Cá, lợn và gà

B. cá, núi, rừng vầu, cây trám trắng, trám đen, lợn và gà

C. những cây cổ thụ

Câu 5. Câu nào dưới đây có hình ảnh so sánh?

A. Con đường men theo một bãi rừng vầu, cây mọc san sát, thẳng tắp, dày như ống đũa.

B. Đoạn đường dành riêng cho dân bản tôi đi về phải vượt qua một con suối to.

C. Những con gà mái dẫn con đi kiếm ăn cạnh đường gọi nhau nháo nhác...

Câu 6. Điền dấu phẩy vào câu “Đường vào bản tôi phải vượt qua một con suối nước bốn mùa trong veo bọt tung trắng xóa.”

A. Đường vào bản tôi, phải vượt qua một con suối nước bốn mùa trong veo bọt tung trắng xóa.

B. Đường vào bản tôi phải vượt qua một con suối, nước bốn mùa trong veo bọt tung trắng xóa.

C. Đường vào bản tôi phải vượt qua một con suối nước bốn mùa trong veo, bọt tung trắng xóa.

Câu 7. Em hiểu gì về câu “Nhưng dù ai đi đâu về đâu, khi bàn chân đã bén hòn đá, hòn đất trên con đường thân thuộc ấy thì chắc chắn sẽ hẹn ngày quay lại.”

.....

Câu 8. Đặt một câu có hình ảnh so sánh:

.....

B. KIỂM TRA VIẾT:

I. Chính tả: (4 điểm)

Âm thanh thành phố

Hồi còn đi học, Hải rất say mê âm nhạc. Từ căn gác nhỏ của mình, Hải có thể nghe tất cả các âm thanh náo nhiệt, ồn ã của thủ đô. Tiếng ve kêu rền rĩ trong những đám lá cây bên đường. Tiếng kéo lách cách của những người bán thịt bò khô.

(Theo Tô Ngọc Hiến)

II. Tập làm văn: (6 điểm)

Đề bài: Hãy viết một bức thư ngắn thăm hỏi một người thân mà em quý mến.

ĐỀ SỐ 4

A. KIỂM TRA ĐỌC (6 điểm)

I. Đọc thành tiếng (2,5 điểm)

HS bốc thăm và đọc một đoạn khoảng 50 tiếng/ phút và trả lời một câu hỏi một trong các bài tập đọc sau:

1. Nắng phương Nam (TV 3 tập 1 trang 94)
2. Luôn nghĩ đến miền Nam (TV 3 tập 1 trang 100)
3. Người con của Tây Nguyên (TV 3 tập 1 trang 103)
4. Cửa Tùng (TV 3 tập 1 trang 109)
5. Người liên lạc nhỏ (TV 3 tập 1 trang 112)
6. Hũ bạc của người cha (TV 3 tập 1 trang 121)
7. Đôi bạn (TV 3 tập 1 trang 130)

II. Đọc hiểu (3,5 điểm)

* Đọc thầm bài: "Cửa Tùng" sau đó khoanh tròn vào ý trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau.

CỬA TÙNG

Thuyền chúng tôi đang xuôi dòng Bến Hải – con sông in đậm dấu ấn lịch sử một thời chống Mỹ cứu nước. Đồi bờ thôn xóm mướt màu xanh lũy tre làng và những rặng phi lao rì rào gió thổi.

Từ cầu Hiền Lương thuyền xuôi khoảng sáu cây số nữa là đã gặp biển cả mênh mông. Nơi dòng Bến Hải gặp sóng biển khơi ấy chính là Cửa Tùng. Bãi cát ở đây từng được ngợi ca là "Bà chúa của các bãi tắm". Diệu kì thay trong một ngày, Cửa Tùng có ba sắc màu nước biển. Bình minh, mặt trời như chiếc thau đồng đỏ ối chiếu xuống mặt biển, nước biển nhuộm màu hồng nhạt. Trưa, nước biển xanh lơ và khi chiều tà thì đổi sang màu xanh lục.

Người xưa đã ví bờ biển Cửa Tùng giống như một chiếc lược đòi mỗi cái vào mái tóc bạch kim của sóng biển.

(Theo Thụy Chương)

Đọc thầm bài Cửa Tùng, sau đó khoanh vào ý trả lời đúng nhất:

Câu 1. Cảnh hai bên bờ sông Bến Hải có gì đẹp? (0,5 điểm)

- A. Thôn xóm mượt màu xanh luỹ tre làng, những rặng phi lao rì rào gió thổi.
- B. Những cánh đồng lúa trải dài đôi bờ.
- C. Những chiếc thuyền cặp bến hai bờ sông.

Câu 2. Những từ ngữ nào miêu tả ba sắc màu nước biển trong một ngày? (0,5 điểm)

- A. Xanh thẫm, vàng tươi, đỏ rực.
- B. Xanh nhạt, đỏ tươi, vàng hoe.
- C. Hồng nhạt, xanh lơ, xanh lục.

Câu 3. Bờ biển Cửa Tùng được so sánh với hình ảnh nào? (0,5 điểm)

- A. Một dòng sông.
- B. Một tấm vải khổng lồ.
- C. Một chiếc lược đồi mồi cài vào mái tóc bạch kim.

Câu 4. Trong các từ dưới đây, từ nào là từ chỉ hoạt động? (0,5 điểm)

- A. Thuyền
- B. Thổi
- C. Đỏ

Câu 5. Bộ phận nào trong câu: "Cửa Tùng có ba sắc màu nước biển." trả lời câu hỏi Ai (con gì, cái gì)?

- A. Cửa Tùng.
- B. Có ba sắc màu nước biển
- C. Nước biển.

Câu 6: Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi "là gì?" trong câu: "Câu lạc bộ thiếu nhi là nơi chúng em vui chơi, rèn luyện và học tập." (0,5 điểm)

Câu 7: Đặt câu "Ai thế nào?" (0,5 điểm)

B. KIỂM TRA VIẾT (4 điểm)

I. Chính tả (2 điểm)

Nghe – viết:

Nhà rông ở Tây Nguyên

Gian đầu nhà rông là nơi thờ thần làng, trên vách treo một giỏ mây đựng hòn đá thần. Đó là hòn đá mà già làng nhặt lấy khi chọn đất lập làng. Xung quanh hòn đá thần, người ta treo những cành hoa đan bằng tre, vũ khí, nông cụ của cha ông truyền lại và chiêm ngắm từng đôi khi cúng tế.

II. Tập làm văn (2 điểm)

Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5-7 câu) kể những điều em biết về nông thôn (hoặc thành thị).

Gợi ý:

- Nhờ đâu em biết (em biết khi đi chơi, khi xem ti vi, khi nghe kể)?
- Cảnh vật, con người ở nông thôn (hoặc thành thị) có gì đáng yêu?
- Em thích nhất điều gì?
- Tình cảm của em về cảnh vật và con người ở nông thôn (hoặc thành thị)?

ĐỀ SỐ 5

A, KIỂM TRA ĐỌC:

1, Đọc thành tiếng: (6 điểm)

2, Đọc thầm (4 điểm)

Đọc thầm bài "Chiếc áo rách" và làm bài tập

CHIẾC ÁO RÁCH

Một buổi học, bạn Lan đến lớp mặc chiếc áo rách. Máy bạn xúm đến trêu chọc. Lan đỏ mặt rồi ngồi khóc.

Hôm sau, Lan không đến lớp. Buổi chiều, cả tổ đến thăm Lan. Mẹ Lan đi chợ xa bán bánh vẫn chưa về. Lan đang ngồi cắt những tàu lá chuối để tối mẹ về gói bánh. Các bạn hiểu hoàn cảnh gia đình Lan, hối hận vì sự trêu đùa vô ý hôm trước. Cô giáo và cả lớp mua một tấm áo mới tặng Lan. Cô đến thăm, ngồi gói bánh và trò chuyện cùng mẹ Lan, rồi giảng bài cho Lan.

Lan cảm động về tình cảm của cô giáo và các bạn đối với mình. Sáng hôm sau, Lan lại cùng các bạn tới trường.

Khoanh tròn vào ý trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi dưới đây hoặc viết vào chỗ chấm

Câu 1. Vì sao các bạn trêu chọc Lan?

- A. Vì Lan bị điểm kém.
- B. Vì Lan mặc áo rách đi học.
- C. Vì Lan không chơi với các bạn.

Câu 2. Khi các bạn đến thăm Lan thì thấy bạn Lan đang làm gì?

- A. Lan giúp mẹ cắt lá để gói bánh.
- B. Lan đang học bài.
- C. Lan đi chơi bên hàng xóm.

Câu 3. Khi đã hiểu hoàn cảnh gia đình Lan, cô và các bạn đã làm gì?

- A. Mua bánh giúp gia đình Lan.
- B. Hàng ngày đến nhà giúp Lan cắt lá để gói bánh.
- C. Góp tiền mua tặng Lan một tấm áo mới.

Câu 4. Câu chuyện trên khuyên em điều gì?

- A. Cần đoàn kết giúp đỡ bạn bè, nhất là những bạn có hoàn cảnh khó khăn.
- B. Thấy bạn mặc áo rách không nên chê cười.
- C. Cần giúp đỡ bạn bè làm việc nhà.

Câu 5. Bộ phận in đậm trong câu: "Các bạn **hối hận vì sự trêu đùa vô ý hôm trước." trả lời cho câu hỏi nào?**

- A. Làm gì?
- B. Như thế nào?
- C. Là gì?

Câu 6. Hãy đặt một câu theo mẫu câu: Ai - làm gì?

B. Bài kiểm tra viết:

I. Chính tả: (Nghe - viết) (5 điểm) bài “Chị em”

II, Tập làm văn (5 điểm): Viết một đoạn văn ngắn tả về cô giáo cũ của em.

ĐỀ SỐ 6

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thầm và trả lời câu hỏi: 4 điểm

CÂY THÔNG

Những cây thông dáng thẳng tắp, hiên ngang giữa trời đất, không sợ nắng mưa. Lá thông trông như một chiếc kim dài và xanh bóng. Mỗi khi gió thổi, cả rừng thông vi vu reo lên cùng gió, làm cho ta không khỏi mê say.

Thông thường mọc trên đồi. Ở những nơi đất đai khô cằn thông vẫn xanh tốt như thường. Người ta trồng thông chủ yếu để lấy gỗ và nhựa. Đó là nguồn tài nguyên thiên nhiên rất quý báu.

(TRONG THẾ GIỚI CÂY XANH)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng ở mỗi câu hỏi sau:

Câu 1: Từ ngữ nào trong đoạn văn tả hình dáng cây thông?

- A. Cao vút

- B. Thẳng tắp
- C. Xanh bóng

Câu 2: Bộ phận nào của cây thông giống như chiếc kim dài?

- A. Lá cây
- B. Thân cây
- C. Rễ cây

Câu 3: Cây thông thường mọc ở đâu?

- A. Trồng rừng
- B. Trên đồi
- C. Ven biển

Câu 4: Ở nơi đất khô cằn, cây thông như thế nào

- A. Khô héo
- B. Xanh tốt
- C. Khăng khiu

Câu 5: Tìm và ghi lại một câu trong bài có hình ảnh so sánh.

Câu 6: Vì sao nói cây thông là nguồn tài nguyên quý báu?

- A. Vì cây cho bóng mát
- B. Vì cây cho quả thơm
- C. Vì cây cho gỗ và nhựa

II. Đọc thành tiếng: 6 điểm. (Thời gian đọc 1 phút và trả lời câu hỏi).

Học sinh đọc đoạn 1 hoặc đoạn 2 bài "Trận bóng dưới lòng đường" trả lời câu hỏi 2 hoặc 3 SGK Tiếng việt 3 tập 1 trang 54.

B. Kiểm tra viết (10 điểm).

I. Chính tả (5 điểm): Nghe – viết

Bài: "Bài tập làm văn" – Đoạn 4 (Tiếng việt lớp 3 tập 1 trang 46)

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu) kể lại buổi đầu em đi học.

ĐỀ SỐ 7

A. KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (5 điểm)

Bài đọc:

II. Đọc thầm và làm bài tập: (5 đ)

CHÚ SẺ VÀ BÔNG HOA BẰNG LĂNG

Ở gần tổ của một chú sẻ non đang tập bay có một cây bằng lăng. Mùa hoa này, bằng lăng nở hoa mà không biết vui vì bé Thơ, bạn của cây, phải nằm viện. Sẻ non biết bằng lăng đã giữ lại một bông hoa cuối cùng để đợi bé Thơ.

Sáng hôm ấy, bé Thơ về, bông bằng lăng cuối cùng đã nở. Nhưng bông hoa lại nở cao hơn cửa sổ nên bé không nhìn thấy nó. Bé cứ ngỡ là mùa hoa đã qua.

Sẻ non rất yêu bằng lăng và bé Thơ. Nó muốn giúp bông hoa. Nó chấp cánh, bay vù về phía cành bằng lăng mảnh mai. Nó nhìn kĩ cành hoa rồi đáp xuống. Cành hoa chao qua, chao lại. Sẻ non cố đứng vững. Thế là bông hoa chúc hẳn xuống, lọt vào khuôn cửa sổ.

Lập tức, sẻ nghe thấy tiếng reo từ gian phòng tràn ngập ánh nắng:

- Ôi, đẹp quá! Sao lại có bông bằng lăng nở muộn thế kia?

(Theo Phạm Hồ)

* Khoanh vào chữ cái đặt trước ý em cho là đúng trong các câu hỏi sau và hoàn thành tiếp các bài tập:

Câu 1. Bằng lăng muốn giữ lại bông hoa cuối cùng để làm gì?

- A. Để tặng cho sẻ non.
- B. Để trang điểm cho ngôi nhà của bé Thơ.
- C. Để dành tặng bé Thơ vì bé Thơ bị ốm phải nằm viện chưa được nhìn thấy hoa nở.

Câu 2. Vì sao khi bông hoa bằng lăng cuối cùng nở, bé Thơ vẫn không nhìn thấy và nghĩ rằng mùa hoa đã qua?

- A. Vì hoa chóng tàn quá bé Thơ chưa kịp ngắm.
- B. Vì bông hoa nở cao hơn cửa sổ nên bé không nhìn thấy.
- C. Vì bé Thơ mệt không chú ý đến hoa.

Câu 3. Sẻ non đã làm gì để giúp bằng lăng và bé Thơ?

- A. Sẻ non hót vang để bé Thơ thức dậy ngắm hoa bằng lăng.
- B. Sẻ non hái bông hoa bằng lăng bay vào buồng tặng bé Thơ.
- C. Sẻ non đậu vào cành hoa bằng lăng làm cho nó chúc xuống để bông hoa lọt vào khung cửa sổ.

Câu 4. Câu văn có hình ảnh so sánh là:

- A. Bé Thơ cười tươi như một bông hoa.

B. Sẻ non rất yêu bằng lăng và bé Thơ.

C. Bé cứ nghĩ là mùa hoa đã qua.

Câu 5. Điền tiếp bộ phận còn thiếu để tạo câu theo mẫu Ai là gì?

Bằng lăng và sẻ non là

B. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Chính tả: (Nghe - viết)

a) Bài viết: “Nhớ lại buổi đầu đi học”. (Sách Tiếng Việt 3 - Tập I, trang 51)

- Giáo viên đọc từ "Cũng như tôi" đến hết. (5 điểm)

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu) kể về tình cảm của bố mẹ hoặc người thân của em đối với em.

ĐỀ SỐ 8

A. KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm).

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc:

II. Đọc thầm và làm bài tập: (4 điểm).

Học sinh đọc thầm bài: "Cậu bé thông minh" SGK Tiếng Việt 3, tập 1, trang 4, 5 và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất từ câu 1 đến câu 3, làm bài tập câu 4.

CẬU BÉ THÔNG MINH

Ngày xưa, có một ông vua muốn tìm người tài ra giúp nước. Vua hạ lệnh cho mỗi làng trong vùng nộp một con gà trống biết đẻ trứng, nếu không có thì cả làng phải chịu tội.

Được lệnh vua, cả vùng lo sợ. Chỉ có một cậu bé bình tĩnh thưa với cha:

- Cha đưa con lên kinh đô gặp Đức Vua, con sẽ lo được việc này.

Người cha lấy làm lạ, nói với làng. Làng không biết làm thế nào, đành cấp tiền cho hai cha con lên đường.

Đến trước cung vua, cậu bé kêu khóc om sòm. Vua cho gọi vào, hỏi:

- Cậu bé kia, sao dám đến đây làm ầm ỹ?

- Muôn tâu Đức Vua – cậu bé đáp – bố con mới đẻ em bé, bắt con đi xin sữa cho em. Con không xin được, liền bị đuổi đi.

Vua quát:

- Thằng bé này láo, dám đùa với trẫm! Bố ngươi là đàn ông thì đẻ sao được!

Cậu bé bèn đáp:

- Muôn tâu, vậy sao Đức Vua lại ra lệnh cho làng con phải nộp gà trống biết đẻ trứng ạ?

Vua bật cười, thầm khen cậu bé, nhưng vẫn muốn thử tài cậu lần nữa.

Hôm sau, nhà vua cho người đem đến một con chim sẻ nhỏ, bảo cậu bé làm ba mâm cỗ. Cậu bé đưa cho sứ giả một chiếc kim khâu, nói:

- Xin ông về tâu Đức Vua rên cho tôi chiếc kim này thành một con dao thật sắc để xẻ thịt chim.

Vua biết là đã tìm được người giỏi, bèn trọng thưởng cho cậu bé và gửi cậu vào trường học để luyện thành tài.

(TRUYỆN CỔ VIỆT NAM)

Câu 1. Nhà vua nghĩ ra kế gì để tìm người tài?

- A. Vua hạ lệnh cho mỗi làng trong vùng nộp một con gà trống biết đẻ trứng.
- B. Vua hạ lệnh cho mỗi làng trong vùng nộp một con gà mái biết đẻ trứng.
- C. Cả hai ý trên đều đúng.

Câu 2. Vì sao dân chúng lo sợ khi nghe lệnh của nhà vua?

- A. Vì gà mái không đẻ trứng được.
- B. Vì gà trống không đẻ trứng được.
- C. Vì không tìm được người tài giúp nước.

Câu 3. Trong cuộc thử tài lần sau, cậu bé yêu cầu điều gì?

- A. Cậu bé yêu cầu sứ giả về tâu Đức Vua đưa cho một con dao thật sắc để xẻ thịt chim.
- B. Cậu bé yêu cầu sứ giả về tâu Đức Vua rèn chiếc kim thành một lưỡi hái thật sắc để xẻ thịt chim.
- C. Cậu bé yêu cầu sứ giả về tâu Đức Vua rèn chiếc kim thành một con dao thật sắc để xẻ thịt chim.

Câu 4. Tìm những sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ dưới đây:

A. Hai bàn tay em

Như hoa đầu cành.

.....

B. Trẻ em như búp trên cành

Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.

.....

B. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Viết chính tả: (5 điểm)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài "Người lính dũng cảm" SGK Tiếng Việt 3, tập 1, trang 38 – 39 đoạn từ: "Bắn thêm một loạt đạn..... đến thẳng hèn mới chui."

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Viết một bức thư ngắn cho bạn hoặc người thân kể về việc học tập của em trong học kỳ 1 vừa qua.

ĐỀ SỐ 9

A. KIỂM TRA ĐỌC:

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc:

II. Đọc hiểu: 4 điểm

Đọc thầm bài đọc dưới đây

CHỖ BÁNH KHÚC CỦA DÌ TÔI

Dì tôi cấp một chiếc rổ lớn, dắt tay tôi đi hái rau khúc.

Cây rau khúc rất nhỏ, chỉ bằng một mầm cỏ non mới nhú. Lá rau khúc như mạ bạc, trông như được phủ một lượt tuyết cực mỏng. Những hạt sương sớm đọng trên lá long lanh như những bóng đèn pha lê. Hai dì cháu tôi hái đầy rổ mới về.

... Ngủ một giấc dậy, tôi đã thấy dì mang chỗ bánh lên. Vung vừa mở ra, hơi nóng bốc nghi ngút. Những cái bánh màu rêu xanh lấp ló trong áo xôi nếp trắng được đặt vào những miếng lá chuối hơi qua lửa thật mềm, trông như những bông hoa. Nhân bánh là một viên đậu xanh giã nhỏ vàng ươm, xen một thỏi mỡ xinh xắn, pha hạt tiêu. Cắn một miếng bánh thì như thấy cả hương đồng, cỏ nội gói vào trong đó.

Bao năm rồi, tôi vẫn không sao quên được vị thơm ngậy, hăng hắc của chiếc bánh khúc quê hương.

(Theo Ngô Văn Phú)

Dựa vào nội dung bài đọc, hãy khoanh vào chữ cái đặt trước mỗi câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Tác giả tả lá rau khúc như thế nào?

- A. Cây rau khúc cực nhỏ.
- B. Chỉ bằng một mầm cỏ non mới nhú.
- C. Lá rau như mạ bạc, trông như được phủ một lượt tuyết cực mỏng.

Câu 2. Câu văn nào sau đây tả chiếc bánh?

- A. Những chiếc bánh màu xanh.
- B. Chiếc bánh màu rêu xanh lấp ló trong áo xôi nếp trắng được hơ qua lửa thật mềm, trông đẹp như những bông hoa. Nhân bánh là một viên đậu xanh giã nhỏ vàng ươm, xen một thỏi mỡ xinh xắn, pha hạt tiêu.
- C. Nhân bánh được làm bằng nhân đậu xanh

Câu 3. Câu "Đi tôi cắp một chiếc rổ lớn, dắt tay tôi đi hái rau khúc" được cấu tạo theo mẫu câu nào?

- A. Ai là gì?
- B. Ai thế nào?
- C. Ai làm gì?

Câu 4. Câu nào dưới đây dùng đúng dấu phẩy?

- A. Bao năm rồi, tôi vẫn không sao quên được vị thơm ngậy, hăng hắc của chiếc bánh khúc quê hương.
- B. Bao năm rồi tôi vẫn không sao quên được vị thơm ngậy, hăng hắc của chiếc bánh khúc quê hương.
- C. Bao năm rồi, tôi vẫn không sao quên được vị thơm ngậy hăng hắc của chiếc bánh khúc quê hương.

B. KIỂM TRA VIẾT

I. Chính tả: (5 điểm)

Bài viết: “Rừng cây trong nắng”

Nghe đọc viết đề bài và đoạn chính tả "Trong ánh nắng... trời cao xanh thẳm"
(Sách Tiếng việt 3 trang 148)

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5-7 câu) kể về một cảnh đẹp của nước ta mà em thích

A. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm):

I. Đọc thành tiếng (4 điểm):

** Nội dung: Bốc thăm, đọc và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.*

+ Người con của Tây Nguyên.

+ Người liên lạc nhỏ.

+ Hũ bạc của người cha.

+ Cậu bé thông minh

** Thời lượng: Khoảng 60 chữ/ phút.*

II. Đọc thầm bài văn sau và trả lời câu hỏi (6 điểm):

CÂY GẠO

Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sậu, sáo đen...đàn đàn lũ lũ bay đi bay về. Chúng nó gọi nhau, trêu ghẹo nhau, trò chuyện ríu rít. Ngày hội mùa xuân đấy.

Cây gạo già mỗi năm lại trở lại tuổi xuân, càng nặng trĩu những chùm hoa đỏ mọng và đầy tiếng chim hót.

Hết mùa hoa, chim chóc cũng vãn. Cây gạo trở lại với dáng vẻ xanh mát hiền lành. Cây đứng im lìm cao lớn, làm tiêu cho những con đò cập bến và cho những đứa con về thăm quê mẹ.

(Theo Vũ Tú Nam)

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1: Bài văn tả cây gạo vào mùa nào trong năm?

A. Mùa xuân.

B. Mùa hạ.

C. Mùa thu

D. Mùa đông.

Câu 2: Từ xa nhìn lại, cây gạo trông giống cái gì?

A. Ngọn lửa hồng.

B. Ngọn nến trong xanh.

C. Tháp đèn.

D. Cái ô đỏ

Câu 3: Các loài chim làm gì trên cây gạo?

A. Làm tổ.

B. Bắt sâu.

- C. Ăn quả.
- D. Trò chuyện ríu rít.

Câu 4: Những chùm hoa gạo có màu sắc như thế nào?

- A. Đỏ chon chót
- B. Đỏ tươi.
- C. Đỏ mọng.
- D. Đỏ rực rỡ.

Câu 5: Hết mùa hoa, cây gạo như thế nào?

- A. Trở lại tuổi xuân.
- B. Trở nên trơ trọi.
- C. Trở nên xanh tươi.
- D. Trở nên hiền lành.

Câu 6: Em hãy điền dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong câu văn sau:

Hàng năm cứ vào đầu tháng chín các trường lại khai giảng năm học mới.

.....

Câu 7: Câu “Cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ” được viết theo mẫu câu nào?

- A. Ai là gì?
- B. Ai làm gì?
- C. Ai thế nào?

Câu 8: Bộ phận gạch chân trong câu: “Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim” trả lời cho câu hỏi nào?

- A. Là gì?
- B. Làm gì?
- C. Thế nào?
- D. Khi nào?

Câu 9: Hãy ghi lại bộ phận trả lời câu hỏi “Làm gì?” trong câu dưới đây:

Trời sắp mưa, cha nhắc tôi đem theo áo mưa

.....

B. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Chính tả (4 điểm): Nghe – viết: bài “Mùa hoa sấu” (từ Vào những ngày cuối xuân, đến một chiếc lá đang rơi như vậy) - (trang 73, sách Tiếng Việt 3- Tập 1).

II. Tập làm văn (6 điểm)

Đề bài: Kể về một người hàng xóm mà em quý mến (viết từ 7-10 câu).

Gợi ý: Giới thiệu người định tả.

- Tả ngoại hình và tả tính cách?
- Nghề nghiệp?
- Yêu thích cái gì?

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 2 MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 (10 ĐỀ)

ĐỀ SỐ 1

A. Kiểm tra viết

I. Chính tả :

1. Nghe viết **Hội vật** (từ *Tiếng chống dòn lên...dưới chân*) trang 59 .
2. Điền vào chỗ trống *l* hay *n* ?

.....ấm gianều cỏ thấp le te

Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè

.....ưng giậu phát phơ màu khói nhạt

.....àn ao lóngánh bóng trắngoe .

Nguyễn Khuyến .

II. Tập làm văn :

Viết một đoạn văn ngắn (Từ 5 đến 7 câu) kể về một ngày hội mà em biết, dựa theo gợi ý dưới đây :

- a. Đó là hội gì ?
- b. Hội đó được tổ chức khi nào ? ở đâu ?
- c. Mọi người đi xem hội như thế nào ?
- d. Hội được bắt đầu bằng hoạt động gì ?
- e. Hội có những trò vui gì (ném còn, kéo co, ca hát, nhảy múa...)?
- g. Cảm tưởng của em về ngày hội đó như thế nào ?

B. Kiểm tra đọc

I. Đọc tiếng : (6 điểm)

II. Đọc hiểu : (4 điểm)

Đọc thầm bài thơ:

Đồng hồ báo thức

Bác kim giờ thận trọng
Nhích từng li, từng li
Anh kim phút lăm lăm
Đi từng bước, từng bước.

Bé kim giây tinh nghịch
Chạy vút lên trước hàng
Ba kim cùng tới đích
Rung một hồi chuông vang.

(Hoài Khánh)

Câu 1. Có mấy sự vật được nhân hoá trong bài thơ trên ?

Khoanh vào trước chữ cái nêu ý trả lời đúng : (1 điểm)

- A. Có 2 sự vật
- B. Có 3 sự vật
- C. Có 4 sự vật
- D. Có 5 sự vật

Hãy kể tên những sự vật đó:.....

Câu 2. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu có bộ phận trả lời cho câu hỏi “ ở đâu? ” (1điểm)

- A. Tới đích, ba kim cùng rung một hồi chuông vang vang.
- B. Hàng ngày, Bác kim giờ chậm chạp, ì ạch nhích từng li, từng li.
- C. Lúc nào cũng vậy, anh kim phút luôn nhường cho bé kim giây chạy trước.

Câu 3. Em đặt 1 câu theo mẫu Khi nào?(1 điểm)

Câu 4. Đặt câu hỏi cho phần in đậm ở câu sau: (1 điểm)

- Bác kim giờ nhích từng li, từng li chậm chạp vì **bác rất thận trọng.**

ĐỀ SỐ 2

A. Kiểm tra đọc

I. Đọc thầm bài văn sau:

Cây gạo

Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sậu, sáo đen,... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng được. Ngày hội mùa xuân đấy!

Hết mùa hoa, chim chóc cũng vãn. Cây gạo chấm dứt những ngày tưng bừng ồn ã, lại trở về với dáng vẻ xanh mát, trầm tư. Cây đứng im, cao lớn, hiền lành, làm tiêu cho những con đò cập bến và cho những đứa con về thăm quê mẹ.

Theo Vũ Tú Nam

Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho mỗi câu hỏi dưới đây:

Câu 1: Mục đích chính của bài văn trên là tả sự vật nào?

- a. Tả cây gạo.
- b. Tả chim.
- c. Tả cây gạo và chim.

Câu 2: Bài văn tả cây gạo vào thời gian nào?

- a. Mùa hè.
- b. Mùa xuân.
- c. Vào hai mùa kế tiếp nhau.

Câu 3: Câu : “Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi.” thuộc mẫu câu nào?

- a. Ai làm gì?
- b. Ai thế nào?
- c. Ai là gì?

Câu 4 : Bài văn trên có mấy hình ảnh so sánh?

- a. 1 hình ảnh.
- b. 2 hình ảnh.
- c. 3 hình ảnh.

Câu 5: Trong câu “Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim.” tác giả nhân hóa cây gạo bằng cách nào?

- a. Dùng một từ chỉ hoạt động của người để nói về cây gạo.
- b. Gọi cây gạo bằng một từ vốn dùng để gọi người.
- c. Nói với cây gạo như nói với con người.

Câu 6: Đặt câu hỏi cho bộ phận được in đậm trong câu sau:

Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim.

II. Đọc thành tiếng (Bài đọc 1)

Ông tổ nghề thêu

Một lần, Trần Quốc Khái được triều đình cử đi sứ bên Trung Quốc. Vua Trung Quốc muốn thử tài sứ thần, sai dựng một cái lầu cao, mời ông lên chơi, rồi cất thang đi. Không còn lối xuống, ông đành ở lại trên lầu. Lầu chỉ có hai pho tượng Phật, hai cái lọng, một bức trướng thêu ba chữ “Phật trong lòng” và một vò nước.

Trả lời câu hỏi: Vua Trung Quốc nghĩ ra cách gì để thử tài sứ thần Việt Nam?

Đọc thành tiếng (Bài đọc 2)

Cuộc chạy đua trong rừng

Ngày mai, muông thú trong rừng mở hội thi chạy để chọn con vật nhanh nhất. Ngựa Con thích lắm. Chú tin chắc sẽ giành được vòng nguyệt quế. Chú sửa soạn không biết chán và mải mê soi bóng mình dưới dòng suối trong veo. Hình ảnh chú hiện lên với bộ đồ nâu tuyệt đẹp, với cái bờm dài được chải chuốt ra dáng một nhà vô địch...

Trả lời câu hỏi: Ngựa Con chuẩn bị tham dự hội thi như thế nào?

B. Kiểm tra viết:

I. Chính tả: (Nghe viết) 15 phút

Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục

Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công. Mỗi một người dân yếu ớt tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khỏe là cả nước mạnh khỏe.

Vậy nên luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người yêu nước.

II. Tập làm văn (25 phút)

Đề bài: Hãy viết một đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) kể lại một việc tốt em đã làm để góp phần bảo vệ môi trường

Gợi ý:

- Việc tốt em đã làm là việc gì? Em làm khi nào? Vào dịp nào?
- Việc làm đó đã diễn ra như thế nào? Kết quả ra sao?
- Tác dụng của việc làm đó đối với môi trường và đối với bản thân em
- Cảm nghĩ của em sau khi làm việc đó?

ĐỀ SỐ 3

A. Kiểm tra kỹ năng đọc, hiểu và kiến thức Tiếng Việt:

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi: (4đ)

Cho văn bản sau:

Có những mùa đông

Có những mùa đông, Bác Hồ sống bên nước Anh. Lúc ấy Bác còn trẻ. Bác làm nghề cào tuyết trong một trường học để có tiền sinh sống. Công việc này rất mệt nhọc. Minh Bác đầm mồ hôi, nhưng tay chân thì lạnh cóng. Sau tám giờ làm việc, Bác vừa mệt, vừa đói.

Lại có những mùa đông, Bác Hồ sống ở Pa-ri, thủ đô nước Pháp. Bác trọ trong một khách sạn rẻ tiền ở xóm lao động. Buổi sáng, trước khi đi làm, Bác để một viên gạch vào bếp lò. Tối về Bác lấy viên gạch ra, bọc nó vào một tờ giấy cũ, để xuống dưới đệm nằm cho đỡ lạnh.

(Trần Dân Tiên)

II. Đọc thầm văn bản trên và làm bài tập: (6đ)

* Đọc thầm và làm bài tập:

Câu 1: (0,5đ) Lúc ở nước Anh, Bác Hồ phải làm nghề gì để sinh sống?

- A. Cào tuyết trong một trường học.
- B. Làm đầu bếp trong một quán ăn.
- C. Viết báo.
- D. Chạy bàn.

Câu 2: (0,5đ) Bác Hồ phải chịu đựng gian khổ như để làm gì?

- A. Để kiếm tiền giúp đỡ gia đình.
- B. Để theo học đại học.
- C. Để tìm cách đánh giặc Pháp, giành độc lập cho dân tộc.
- D. Để rèn luyện thân thể.

Câu 3: (0,5đ) Bài văn này nhằm nói lên điều gì?

- A. Cho ta biết Bác Hồ đã chống rét bằng cách nào khi ở Pháp.
- B. Tả cảnh mùa đông ở Anh và Pháp.
- C. Nói lên những gian khổ mà Bác Hồ phải chịu đựng để tìm đường cứu nước.
- D. Bác Hồ thử sức giá rét.

Câu 4: (0,5đ) Bác Hồ làm việc trong khoảng thời gian là bao lâu?

- A. 5 giờ
- B. 6 giờ

C. 7 giờ

D. 8 giờ

Câu 5: (1đ) Bác Hồ sống ở Pa-ri, thủ đô nước nào?

Câu 6: (1đ) Qua câu chuyện trên, em học được điều gì ở Bác?

Câu 7: (1đ) Bộ phận được in đậm trong câu: "Bác làm nghề cào tuyết trong một trường học để có tiền sinh sống." trả lời cho câu hỏi nào?

A. Vì sao?

B. Để làm gì?

C. Khi nào?

D. Ai làm gì?

Câu 8: (1đ) Tìm một tên khác đặt tên cho câu chuyện trên. Viết tên câu chuyện vừa tìm được.

B. Kiểm tra kỹ năng viết chính tả và viết văn (Viết đoạn, bài)

I. Viết chính tả: (Nghe – viết) (4đ) (15 phút)

II. Viết đoạn, bài: (6đ) (25 phút)

Em hãy viết một đoạn văn ngắn 5 -7 câu kể về một người thân của em (bố, mẹ, chú, dì,...)

Gợi ý: - Người thân của em làm nghề gì?

- Hằng ngày, người thân của em làm những việc gì?

- Những việc ấy có ích như thế nào?

- Tình cảm của em đối với bố (mẹ, chú, dì,...) như thế nào?

ĐỀ SỐ 4

I. ĐỌC HIỂU

Đọc thầm bài văn sau :

Màu hoa

Mùa xuân, cô bé đi vào trong vườn, hoa đào đang nở rộ một màu hồng. Cô gọi :

– Đào ơi, sao bạn mang sắc màu đẹp thế ?

– Tôi cũng giống như màu đôi môi của bạn ấy mà. Đây, bạn soi gương xem, giống như đúc phải không ? Đôi môi thường cất lên những bài hát líu lo. Đôi môi âm rục và nở những nụ cười tươi. Mỗi nụ cười toả những tia sáng diệu kì làm ấm lòng

người. Đây, tôi cũng mang màu đôi môi của bạn. Và mùa xuân đến, tôi cũng nở những nụ cười. Tôi với bạn là một mà thôi.

Cô bé âu yếm áp nụ cười của mình lên những nụ hoa đào, thầm thì :

– Ừ, hai chúng mình là một.

Đi tiếp vào trong vườn, cô bé lại gặp không biết bao nhiêu là hoa khác nữa.

– Cô bé ơi ! Tôi là hoa hồng đỏ đây. – Bông hồng nói. – Tôi là màu của mặt trời sau làn sương sớm. Màu ngọn lửa ấm áp trong nắng mùa đông. Màu của lá cờ phấp phới. Màu những giọt máu chảy trong thân thể bạn... Mặt trời chẳng bao giờ tắt. Ngọn lửa chẳng bao giờ tắt. Dòng máu chẳng bao giờ ngừng... Cô bé ơi, đó là tôi đây !

Cô bé áp bông hồng vào ngực, một ánh sáng từ đó toả bừng trên gương mặt cô. Cô bé đi tiếp vào khu vườn và ngập chìm trong tiếng nói riu rít của mọi loài hoa.

(Nguyễn Phan Hách, Tâm hồn hoa)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng :

Câu 1. Hình ảnh nào tả vẻ đáng yêu của hoa đào và cô bé ?

- a. Hoa đào đang nở rộ một màu hồng.
- b. Cô bé với hoa đào là một mà thôi.
- c. Hoa đào và đôi môi cô bé đều ấm rực và nở những nụ cười, mỗi nụ cười toả ra những tia sáng diệu kì làm ấm lòng người.

Câu 2. Những hình ảnh nào nói lên vẻ đẹp của hoa hồng ?

- a. Có màu của mặt trời sau làn sương sớm chẳng bao giờ tắt.
- b. Có màu của ngọn lửa ấm áp trong nắng mùa đông chẳng bao giờ tắt.
- c. Ngập chìm trong tiếng nói riu rít của mọi loài hoa.
- d. Có màu của dòng máu chảy trong thân thể chẳng bao giờ ngừng.

Câu 3. Những câu văn nào cho thấy tình yêu của cô bé với vẻ đẹp của hoa ?

- a. Cô bé âu yếm áp nụ cười của mình lên những nụ hoa đào.
- b. Cô bé áp bông hồng vào ngực, một ánh sáng từ đó toả bừng trên gương mặt cô.
- c. Cô bé đi vào trong vườn hoa.

Câu 4. Bài văn nói lên điều gì ?

- a. Vẻ đẹp của các mùa trong năm.
- b. Vẻ đẹp của cô bé trong vườn hoa.
- c. Vẻ đẹp muôn màu của các loài hoa.

Câu 5. Trong bài “Màu hoa”, hoa hồng ví mình là “màu những giọt máu chảy trong thân thể bạn”. Hình ảnh so sánh ấy gợi cho em những cảm nghĩ gì ?

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Câu 1. Điền tiếp vào chỗ trống để có hình ảnh so sánh.

- a) Màu của hoa đào như...
- b) Hoa đào nở như...
- c) Màu của hoa hồng như...

Câu 2. Câu “Cô bé áp bông hồng vào ngực.” thuộc kiểu câu gì ?

- a. Ai là gì ?
- b. Ai làm gì ?
- c. Ai thế nào ?

Câu 3. Bộ phận được in đậm trong câu “Mùa xuân, cô bé vào trong vườn.” trả lời câu hỏi nào ?

- a. Ở đâu?
- b. Khi nào?
- c. Vì sao ?

Câu 4. Điền dấu phẩy, dấu chấm thích hợp vào ô trống.

Mùa thu (1) cô bé gặp biết bao sắc vàng kì diệu : những bông cúc vàng tươi rực rỡ (2) những cánh bướm vàng dập dờn trong nắng (3) những tia nắng thu vàng như những sợi tơ tằm đang thêu lên tất cả đất trời (4) cây cỏ (5) Mùa thu thật là đẹp !

II. LUYỆN NÓI – VIẾT

Hãy tưởng tượng em đang ở trong khu vườn xuân với hoa đào mang màu đôi môi cô bé, ăm ắp và nở những nụ cười tươi,... với hoa hồng đỏ như màu lửa trong nắng mùa đông, như màu máu chảy trong thân thể,... tất cả gọi cho em rất nhiều cảm xúc về hoa. Hãy viết một đoạn văn ngắn tả vẻ đẹp của hoa đào (hoặc hoa hồng).

ĐỀ SỐ 5

I. ĐỌC HIỂU

Đọc thầm bài thơ sau :

Ngày hội rừng xanh

Chim Gõ Kiến nổi mõ
Gà Rừng gọi vòng quanh
Sáng rồi, đừng ngủ nữa
Nào, đi hội rừng xanh !

Tre, Trúc thổi nhạc sáo
 Khe Suối gảy nhạc đàn
 Cây rủ nhau thay áo
 Khoác bao màu tươi non.
 Công dẫn đầu đội múa
 Khướu lĩnh xướng đàn ca
 Kì Nhông diễn ảo thuật
 Thay đổi hoài màu da.
 Năm mang ô đi hội
 Tới suối, nhìn mê say :
 Ở kia, anh Cọn Nước
 Đang chơi trò đu quay !

(Vương Trọng)

Câu 1. Nói tên con vật ở cột trái với từ ngữ tả hoạt động của chúng ở cột phải cho thích hợp.

a) Chim Gõ Kiến	1. gọi vòng quanh đánh thức bạn bè
b) Gà Rừng	2. nổi mõ thúc giục đi hội
c) Công	3. diễn ảo thuật thay đổi màu da
d) Khướu	4. dẫn đầu đội múa
e) Kì Nhông	5. lĩnh xướng đàn đồng ca

Câu 2. Nói từng ô chỉ tên sự vật ở bên trái với ô thích hợp ở bên phải để thấy các sự vật tham gia ngày hội rừng xanh như thế nào.

a) Tre, Trúc	1. thay áo mới màu tươi non
b) Khe Suối	2. thổi nhạc sáo
c) Cây	3. gảy nhạc đàn
d) Năm	4. chơi trò đu quay
e) Cọn Nước	5. mang ô đi hội

Câu 3. Bài thơ nói về điều gì ?

- Hoạt động của các con vật trong rừng.
- Vẻ đẹp của cảnh vật núi rừng.
- Hoạt động, niềm vui của các con vật, sự vật trong rừng vào ngày hội của mình.

Câu 4. Bài thơ “Ngày hội rừng xanh” có nhiều hình ảnh nhân hoá rất sinh động. Em thích hình ảnh nào nhất ? Vì sao ?

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Câu 1. Các con vật trong bài “Ngày hội rừng xanh” được nhân hoá bằng cách nào ?

- a. Dùng từ gọi chúng như gọi một con người.
- b. Dùng từ tả hoạt động của người để tả chúng.
- c. Nói chuyện với chúng như nói chuyện với con người.

Câu 2. Con nước trong bài thơ được nhân hoá bằng những cách nào ?

- a. Dùng từ gọi nó như gọi một con người.
- b. Dùng từ tả hoạt động của người để tả nó.
- c. Nói chuyện với nó như nói chuyện với một con người.

Câu 3. Bộ phận nào trả lời cho câu hỏi Vì sao ? trong mỗi câu sau :

a). Nói “Chim Gõ Kiến nổi mỗ” vì Gõ Kiến là một loài chim dùng mỏ gõ vào thân cây tìm kiến để ăn.

A. Gõ Kiến là một loài chim dùng mỏ gõ vào thân cây tìm kiến để ăn

B. một loài chim dùng mỏ gõ vào thân cây tìm kiến để ăn

C. dùng mỏ gõ vào thân cây tìm kiến để ăn

b) Vì Kì Nhông là loài thần lẩn có thể thay đổi màu da nên tác giả đã nói “Kì Nhông diễn ảo thuật, thay đổi hoài màu da”.

A. có thể thay đổi màu da

B. Kì Nhông là loài thần lẩn

C. Kì Nhông là loài thần lẩn có thể thay đổi màu da

Câu 4. Điền bộ phận trả lời câu hỏi Vì sao ? vào chỗ trống trong những câu sau:

a) Vì... nên tác giả bài thơ đã nói Gà Rừng gọi vòng quanh để bảo mọi người đừng ngủ nữa, dậy đi hội.

b) Tác giả viết “Tre, Trúc thổi nhạc sáo” vì...

c) Tác giả để cho “Công dẫn đầu đội múa” vì...

III. LUYỆN NÓI – VIẾT

Câu 1. Dựa vào bài thơ, em hãy kể về “Ngày hội rừng xanh”.

Câu 2. Hãy viết một đoạn văn kể về một lễ hội ở quê em hoặc một lễ hội mà em biết.

ĐỀ SỐ 6

I. ĐỌC HIỂU

Đọc thầm bài văn sau:

Những bông hoa tím

Cồn cát cao trên kia là chỗ cô Mai nằm nghỉ. Những cây dương đang độ lớn vây quanh mộ cô. Hôm trước mẹ dắt Nhi ra thăm mộ, mẹ đọc hàng chữ đỏ khắc trên bia: "Nguyễn Thị Mai, dân quân, hi sinh ngày 10-10-1968". Mẹ không nói gì cả. Nhi cảm thấy bàn tay mẹ siết chặt lấy bàn tay bé nhỏ của Nhi. Ngày ấy, mẹ cùng cô Mai ở chung tiểu đội dân quân. Đêm nào mẹ cũng đi tuần trên bãi.

Những người già trong làng kể lại rằng: Chiều nào, cô Mai cũng ra cồn cát đó với một khẩu súng trường. Và trên nền cát trắng tinh, nơi ngực cô Mai tì xuống đón đường bay của giặc, mọc lên những bông hoa tím. Ngày chiếc máy bay bốc cháy đâm đầu xuống biển cũng là ngày cô Mai hi sinh. Những bông hoa ấy vừa nở, mùi thơm bay về tận làng làm nôn nao cả lòng người những buổi chiều như chiều nay.

Lũ trẻ ngồi im nghe các cụ già kể chuyện. Hôm sau chúng rủ nhau ra cồn cát cao tìm những bông hoa ấy. Lúc về, tay đứa nào cũng đầy một nắm hoa. Nhi gọi mẹ riu rít:

- Mẹ ơi, những cồn cát cao sau làng, chỗ nào cô Mai cũng tì ngực xuống để bắn máy bay. Con thấy toàn hoa là hoa!

(Trần Nhật Thu)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Vì sao khi đứng trước mộ của cô Mai, mẹ lại siết chặt bàn tay bé nhỏ của Nhi?

- a. Vì mẹ muốn Nhi im lặng để tưởng nhớ cô Mai.
- b. Vì mẹ căm giận kẻ thù đã giết chết cô Mai.
- c. Vì mẹ rất xúc động khi nhớ đến người đồng đội đã hi sinh nên siết chặt tay Nhi để kìm bớt xúc động.

Câu 2. Câu chuyện của các cụ già kể về điều gì?

- a. về nguồn gốc của những bông hoa tím.
- b. Kể về việc cô Mai chiến đấu bắn máy bay địch và việc cô đã hi sinh anh dũng như thế nào.
- c. Kể về việc chiếc máy bay địch bốc cháy.

Câu 3. Vì sao mùi thơm của những bông hoa tím lại làm nôn nao lòng người?

- a. Vì mùi hương đó nhắc mọi người nhớ đến cô Mai, người liệt sĩ đã hi sinh vì cuộc sống hoà bình của dân làng.
- b. Vì hoa tím có mùi hương rất nồng.
- c. Vì hoa tím nhắc mọi người nhớ đến các chiến sĩ đang chiến đấu ngoài mặt trận.

Câu 4. Vì sao câu chuyện về cô Mai có tên là "Những bông hoa tím"?

- a. Vì cô Mai thích hoa tím.
- b. Vì hoa tím tượng trưng cho sự chung thủy.
- c. Vì hoa tím mọc lên nơi ngực cô Mai từ xuống để bắn máy bay địch.

Câu 5. Chỉ tiết "nơi còn cát sau làng mọc toàn hoa tím" gợi cho em cảm nghĩ gì?

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Câu 1. Chọn từ ngữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống thích hợp.

Câu chuyện "Những bông hoa tím" kể về... (1) và... (2) của một nữ... (3). Chuyện kể rằng: trong cuộc kháng chiến... (4), tại một làng chài nhỏ ven biển có một cô ... (5) tên là Nguyễn Thị Mai. Với một... (6), cô đã... (7) bắn rơi máy bay địch và đã hi sinh... (8).

(chiến công, anh dũng, liệt sĩ, dân quân, sự hi sinh, khẩu súng trường, chống Mĩ cứu nước, chiến đấu)

Câu 2. Đặt câu theo mẫu Ai là gì ? để:

- a) Nói về cô Mai.
- b) Nói về những bông hoa tím.
- c) Nói về những người già trong làng.

Câu 3. Điền dấu phẩy vào những chỗ thích hợp trong hai câu văn sau:

- a) Chiều nào cô Mai cũng cầm khẩu súng trường ra còn cát sau làng từ ngực trên nền cát trắng đón đường bay của địch.
- b) Dân làng luôn nhớ đến cô tự hào về cô, họ nâng niu những bông hoa tím.

III. LUYỆN NÓI - VIẾT

Đề 1. Để nhớ công ơn những người đã chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc như cô Mai, trường em đã phát động phong trào thi đua "Uống nước nhớ nguồn". Em hãy báo cáo kết quả công việc tổ mình đã làm để giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ nơi em sống.

Đề 2. Hãy kể lại tóm tắt câu chuyện "Những bông hoa tím" bằng lời của mình.

ĐỀ SỐ 7

I. ĐỌC HIỂU

Đọc thầm bài thơ sau:

Nghệ nhân Bát Tràng
Em cầm bút vẽ lên tay
Đất Cao Lanh bỗng nở đầy sắc hoa:
Cánh cò bay lả bay la
Lũy tre đầu xóm, cây đa giữa đồng.
Con đò lá trúc qua sông
Trái mơ tròn trĩnh, quả bòng đung đưa...
Bút nghiêng, lất phất hạt mưa
Bút chao, gợn nước Tây Hồ lăn tăn.
Hài hoà đường nét hoa văn
Dáng em, dáng của nghệ nhân Bát Tràng.
(Hồ Minh Hà, Nét vẽ... màu men)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Hình ảnh "đất Cao Lanh bỗng nở đầy sắc hoa" ý nói gì?

- a. Từ đất Cao Lanh trồng được những bông hoa.
- b. Những hình ảnh được vẽ trên đất Cao Lanh rất đẹp.
- c. Từ đất Cao Lanh nặn được những bông hoa.

Câu 2. Người nghệ nhân đã vẽ lên đất Cao Lanh những cảnh vật gì?

- a. Ngôi nhà, cây dừa, trái táo, quả đào.
- b. Cánh cò, lũy tre, cây đa, con đò, trái mơ, quả bòng, hạt mưa, gợn sóng Tây Hồ.
- c. Mưa rào, con tàu, quả na, trăng, mây.

Câu 3. Hai câu thơ "Bút nghiêng lất phất hạt mưa. Bút chao gợn nước Tây Hồ lăn tăn" ý nói gì?

- a. Người nghệ nhân đã vẽ trong mưa.
- b. Người nghệ nhân đã vẽ bên Hồ Tây.
- c. Người nghệ nhân Bát Tràng đã vẽ nên những vẻ đẹp rất tinh tế.

Câu 4. Bài thơ ca ngợi điều gì?

- a. Vẻ đẹp của đồ gốm Bát Tràng.
- b. Cảnh đẹp của đất nước ta.

c. Tài hoa của người nghệ nhân Bát Tràng đã vẽ nên những vẻ đẹp của cảnh vật đất nước trên đồ gốm.

Câu 5. Em thích hình ảnh thơ nào nhất? Vì sao?

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Câu 1. Chọn từ ngữ trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống thích hợp.

Người nghệ nhân Bát Tràng thật... (1). Với cây bút... (2), bàn tay... (3) chỉ khẽ... (4) thôi là trên nền đất cao lạnh hiện ra những hạt mưa... (5). Bàn tay ấy khẽ... (6) Là hàng ngàn gợn sóng... (7) của Hồ Tây cũng hiện lên.
(lắt phất, nghiêng, chao, khéo léo, lặn tẩn, đơn sơ, tài hoa)

Câu 2. Nối từng từ ngữ ở cột bên trái với từ có thể kết hợp được ở cột bên phải.

a) Những cánh cò trắng	1. sừng sững
b) Cây đa thân thuộc	2. bông bênh
c) Con đò nhỏ	3. lặn tẩn
d) Những con sóng nhỏ	4. dập dờn

Câu 3. Câu văn nào có sử dụng nhân hoá?

- A. Những cánh cò bay lả bay la trên đồng lúa.
- B. Những cánh cò chấp chới trên đồng lúa.
- C. Những cánh cò phân vân trên đồng lúa.
- D. Con đò như một chiếc lá trúc trên dòng sông.
- E. Con đò dịu dàng trôi theo dòng nước.
- G. Con đò bông bênh trên mặt nước.

III. LUYỆN NÓI - VIẾT

Em đã từng được chứng kiến một họa sĩ vẽ ra bức tranh, một nghệ nhân làm ra sản phẩm gốm, một nghệ nhân uốn những cái cây bình thường thành hình những con vật ngộ nghĩnh,... Em hãy viết một đoạn văn nói về công việc của họa sĩ hoặc nghệ nhân đó.

ĐỀ SỐ 8

A. KIỂM TRA ĐỌC

Học sinh đọc thầm bài sau rồi làm bài tập theo yêu cầu:

Vịt con và gà con

Một hôm, Vịt con và Gà con đang chơi trốn tìm trong rừng, bỗng nhiên có một con Cáo xuất hiện. Nhìn thấy Cáo, Vịt con sợ quá khóc ầm lên. Gà con thấy thế vội bỏ mặc Vịt con, bay lên cành cây để trốn. Chú giả vờ không nghe, không thấy Vịt con đang hoảng hốt kêu cứu.

Cáo đã đến rất gần, Vịt con sợ quá, quên mất bên cạnh mình có một hồ nước, chú vội vàng nằm giả vờ chết. Cáo vốn không thích ăn thịt chết, nó lại gần Vịt, ngửi vài cái rồi bỏ đi.

Gà con đậu trên cây cao thấy Cáo bỏ đi, liền nhảy xuống. Ai dè "tùm" một tiếng, Gà con rơi thẳng xuống nước, cậu chơi vơi kêu:

- "Cứu tôi với, tôi không biết bơi!"

Vịt con nghe tiếng kêu, không ngần ngại lao xuống cứu Gà con lên bờ. Rũ bộ lông ướt sũng, Gà con xấu hổ nói:

- Cậu hãy tha lỗi cho tớ, sau này nhất định tớ sẽ không bao giờ bỏ rơi cậu nữa.

Theo Những câu chuyện về tình bạn

Câu 1: Khi thấy Vịt con kêu khóc, Gà con đã làm gì? (0,5điểm)

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

- A. Gà con vội vàng nằm giả vờ chết.
- B. Gà con sợ quá khóc ầm lên.
- C. Gà con đến cứu Vịt con.
- D. Gà con bỏ mặc Vịt con, bay lên cây cao để trốn.

Câu 2: Trong lúc nguy hiểm, Vịt con đã làm gì để thoát thân? (0,5điểm)

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

- A. Vịt con nhảy xuống hồ nước ngay bên cạnh.
- B. Vịt con hét hoảng kêu cứu.
- C. Vịt con vội vàng nằm giả vờ chết.
- D. Vịt con vội vàng bỏ chạy.

Câu 3: Theo em, cuối cùng Gà con đã rút ra được bài học gì? (1điểm)

Câu 4: Vì sao Gà con cảm thấy xấu hổ? (0,5điểm)

Đúng điền Đ, Sai điền S vào mỗi ô trống trước các ý sau:

- ☐ Vì Gà con thấy Vịt con bơi giỏi.
- ☐ Vì Vịt con tốt bụng, đã cứu giúp Gà con khi Gà con gặp nạn.
- ☐ Vì Gà con thấy Vịt con sợ quá khóc to.

Câu 5: Qua câu chuyện trên, em học được điều gì? (1điểm)

Câu 6: Hãy tìm trong bài một câu nói về sự dũng cảm của Vịt con. (0,5điểm)

Câu 7: Tìm và gạch chân dưới các từ chỉ hoạt động, trạng thái có trong câu văn sau: (0,5điểm)

Gà con đậu trên cây cao thấy Cáo bỏ đi, liền nhảy xuống.

Câu 8: Đặt dấu chấm, dấu phẩy và dấu hai chấm vào chỗ thích hợp trong câu dưới đây: (1điểm)

Hồng nói với bạn () " Ngày mai () mình đi về ngoại chơi ()"

Câu 9: Đặt một câu có sử dụng biện pháp nhân hóa. (0,5điểm)

B. KIỂM TRA VIẾT

1. Chính tả

Yêu cầu: Giáo viên viết đề bài lên bảng sau đó đọc đoạn chính tả cho học sinh viết vào giấy kẻ có ô li

Cây gạo

Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sậu, sáo đen... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống.

2. Tập làm văn

Hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 7 đến 10 câu) kể lại một việc tốt em đã làm để góp phần bảo vệ môi trường, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hóa.

ĐỀ SỐ 9

A. KIỂM TRA ĐỌC:

1. Đọc thành tiếng: (6 điểm) GV kiểm tra lòng vào các tiết ôn tập giữa học kì II

2. Đọc thầm (4 điểm)

Chiếc lá

Chim sâu hỏi chiếc lá:

- Lá ơi, bạn hãy kể cuộc đời của bạn cho tôi nghe đi!
- Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu.
- Tôi không tin. Bạn đừng có giấu. Nếu vậy, sao bông hoa kia lại có thể rất biết ơn bạn?

– Thật mà! Cuộc đời tôi rất bình thường. Ngày nhỏ tôi là một búp non. Tôi lớn lên thành một chiếc lá và cứ là như thế cho mãi tới bây giờ.

Thật như thế sao? Có khi nào bạn biến thành hoa, thành quả, thành một ngôi sao, thành vầng mặt trời đem lại niềm tin cho mọi người như trong các câu chuyện cổ tích mà bác Gió thường rì rầm kể suốt đêm ngày chưa?

– Chưa. Chưa một lần nào tôi biến thành một thứ gì khác cả. Suốt đời, tôi chỉ là một chiếc lá nhỏ nhoi bình thường.

– Thế thì chán thật! Cuộc đời của bạn bình thường thật! Bông hoa kia đã làm tôi thất vọng. Hoa ơi, bạn chỉ khéo bịa chuyện.

– Tôi không bịa tí nào đâu. Mãi mãi tôi kính trọng những chiếc lá bình thường như thế! Chính nhờ có họ mới có chúng tôi:

"Những hoa, những quả, những niềm vui mà bạn nói trên kia."

Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Vì sao bông hoa lại kính trọng chiếc lá?

- A. Vì lá có thể biến thành quả, thành ngôi sao, thành mặt trời.
- B. Vì nhờ có những chiếc lá mới có hoa, có quả, có những niềm vui.
- C. Cả hai ý trên.

Câu 2. Những sự vật nào trong câu chuyện được nhân hóa?

- A. Hoa, lá.
- B. Hoa, lá, chim sâu.
- C. Chim sâu, gió, hoa, lá.

Câu 3. Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?

- A. Phải biết yêu quý mọi người, mọi vật xung quanh.
- B. Mọi người, mọi vật dù bình thường nhất đều có ích, đều có thể đem lại niềm vui.
- C. Ta cần phải biết quý trọng những người, những vật đó.
- D. Mọi người, mọi vật đều có ích.

Câu 4. Trong các câu văn sau, câu văn nào dùng sai dấu câu?

- A. Mùa xuân đến muôn hoa đua sắc nở.
- B. Cứ đến tết là bố mẹ lại mua áo mới cho em.
- C. Nghỉ hè, chúng em được đi nghỉ mát.

B. BÀI KIỂM TRA VIẾT:

1. Chính tả: (5 điểm) Nghe -Viết:

Mùa thu trong trẻo

Trong hồ rộng, sen đang lụi tàn. Những chiếc lá to như cái sàng màu xanh sẫm đã quăn mép, khô dần. Họa hoằn mới còn vài lá non xanh, nho nhỏ mọc xòe trên mặt nước. Gương sen to bằng miệng bát con, nghiêng như muốn soi chân trời. Tiếng cuốc kêu thưa thớt trong các lùm cây lau sậy ven hồ...

Nguyễn Văn Chương

2. Tập làm văn: (5 điểm) Hãy viết một đoạn văn ngắn (Từ 7 – 10 câu) kể về một ngày lễ hội ở quê em.

ĐỀ SỐ 10

I. ĐỌC HIỂU

Đọc thầm bài văn sau:

Một con chó hiền

Có một cô gái quê nghèo, tội nghiệp tên là Phô-xơ. Từ nhỏ cô đã phải đi hành khất kiếm sống. Tối tối, cô ngủ trong vựa cỏ tại nhà một chủ quán. Bị mọi người xa lánh, ruồng bỏ, cô chỉ còn biết kết bạn với con chó của ông chủ quán.

Con chó của ông chủ quán rất nhỏ, dịu hiền như một con người. Bốn chân của nó màu đen trong khi toàn thân phủ một bộ lông trắng muốt. Giờ đây, khi kể lại cho các bạn nghe, tôi vẫn như trông thấy con chó tội nghiệp kia. Con chó nhỏ nhoi là sinh vật duy nhất lúc đó thường ném cho cô Phô-xơ những ánh nhìn thân thiện. Cô Phô-xơ dành cho con chó những miếng ăn ngon lành nhất của mình hằng ngày.

Mùa đông, con chó nằm ngủ dưới chân cô. Cô Phô-xơ đau lòng vô cùng khi thấy nó bị đánh đập. Cô dạy cho nó thói quen không vào các nhà ăn trộm những mẩu xương nhỏ, đành lòng ăn những mẩu bánh nghèo cô dành cho. Mỗi khi cô buồn, nó lại tới trước mặt cô, nhìn sâu vào trong mắt cô, tựa hồ nó quyến luyến cô gái nghèo. Nhưng rồi bà chủ đã quyết định đánh bả cho nó chết. Và con chó nhỏ đã chết trong tay cô gái nghèo... Cô đã khóc thương nó và chôn nó dưới gốc thông, như thể nó là đứa con cô đẻ ra vậy.

(Theo Ô-nô-rê Đơ Ban-dắc)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Những chi tiết nào nói lên cảnh ngộ của cô Phô-xơ?

- a. Nghèo, tội nghiệp, từ nhỏ đã phải đi hành khất để kiếm sống.
- b. Phải ngủ trong vựa cỏ tại nhà một chủ quán.
- c. Kết bạn với bà chủ quán và được bà giúp đỡ.
- d. Bị mọi người xa lánh, ruồng bỏ, chỉ còn kết bạn với một con chó nhỏ.

Câu 2. Nối từng ô bên trái với ô thích hợp ở bên phải để được những câu văn mô tả tình thân giữa cô Phô-xơ và con chó nhỏ.

a) Cô Phô-xơ	1. luôn nhìn cô thân thiện.
	2. dạy dỗ nó, dành cho nó những miếng ngon, đau lòng khi thấy nó bị đánh đập.
b) Con chó nhỏ	3. nằm ngủ dưới chân cô, nhìn sâu vào mắt cô mỗi khi cô buồn.
	4. khóc thương nó, chôn nó dưới gốc thông, như thể nó là đứa con cô đẻ ra vậy.

Câu 3. Vì sao giữa cô gái và con chó nhỏ lại có tình thân đó?

- a. Vì cô đã nuôi nó từ nhỏ.
- b. Vì cô đã cho nó nhiều thức ăn ngon.
- c. Vì cô và con chó đều có cảnh ngộ tội nghiệp, đáng thương và cả hai đều giàu lòng yêu thương.

Câu 4. Câu chuyện muốn nói với em điều gì?

- a. Nên kết thân với những người giàu có để được giúp đỡ.
- b. Sống độc lập, không nên dựa dẫm người khác.
- c. Con người ta sống phải biết yêu thương, chia sẻ với những số phận bất hạnh, tội nghiệp.

Câu 5. Em có cảm nhận gì khi đọc câu chuyện này?

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Câu 1. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để có đoạn văn tả một chú chó.

Nhà em có một chú chó nhỏ, em gọi nó là Cún Bông. Cún Bông có bộ lông... (1) trông rất... (2) Hai cái tai nhỏ... (3), đôi mắt... (4) Mỗi khi em đi học về, nó thường chạy ra tận cổng đón em, đuôi vẫy... (5) tỏ vẻ... (6). Em rất... (7) Cún Bông.

Câu 2. Những câu nào thuộc kiểu câu Ai thế nào?

- a. Con chó của ông chủ quán rất nhỏ, dịu hiền như một con người.
- b. Cả cô Phô-xơ và con chó nhỏ đều rất đáng thương.

- c. Con chó nhỏ đã chết trong tay cô gái nghèo.
- d. Cô đã khóc thương nó, chôn nó dưới gốc thông.
- e. Phô-xơ là một cô gái có tấm lòng nhân hậu.

Câu 3. Bộ phận được in đậm trong câu "Cô Phô-xơ đau lòng khi thấy nó bị đánh đập." trả lời cho câu hỏi nào?

- a. Là gì?
- b. Làm gì?
- c. Như thế nào?

Câu 4. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để câu văn có hình ảnh so sánh.

- a) Bàn chân của nó đen mượt như... trong khi toàn thân phủ một bộ lông trắng muốt như...
- b) Con chó như... đã an ủi Phô-xơ mỗi khi cô gặp chuyện buồn.

III. LUYỆN NÓI - VIẾT

Em hãy đặt mình vào vai Phô-xơ, kể lại chuyện "Một con chó hiền"

ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ 2 MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 (10 ĐỀ)

ĐỀ SỐ 1

A. Bài kiểm tra Đọc, Nghe và Nói – Kiến thức tiếng Việt (10 điểm – 35 phút)

I. Đọc thành tiếng (4 điểm)

- Ở mục này, các em có thể đọc một đoạn trích trong bài Tập đọc đã học trong SGK Tiếng Việt 3, tập 2 và trả lời câu hỏi hoặc đọc một đoạn văn thích hợp ở ngoài SGK.
- Đề không trình bày nội dung của phần Đọc thành tiếng.

II. Đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt (6 điểm)

Đọc bài sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Hành trình của hạt mầm



Mảnh đất ẩm ướt bao phủ tôi. Nơi đây tối om. Tôi thức dậy khi những hạt mưa rơi xuống mặt đất chật chội. Lúc ấy, tôi bắt đầu tò mò. Tôi tò mò về độ lớn của bầu trời, tò mò về mọi thứ ngoài kia. Trời lại đổ nhiều mưa hơn. Những giọt mưa mát lạnh dội vào người tôi, thật thoải mái! Sau cơn mưa ấy, tôi đã cố gắng vươn lên được một chút. Giờ đây, tôi đã có một chiếc áo màu xanh khoác trên người. Sau một tuần, tôi đã là một mầm cây, sự khởi đầu to lớn của cuộc đời tôi. Trên người tôi giờ có một chiếc lá xanh, xanh mát. Bây giờ, tôi biết được thế giới bên ngoài. Bầu trời bao la rộng lớn có màu xanh biếc xinh đẹp. Mát lạnh những giọt mưa, mát lạnh những giọt nước mọi người dành cho tôi. Nhưng những điều ấy không phải tất cả tôi cần. Tôi cũng cần tình yêu thương quý báu của con người.

(Tiếp Quyên- CLB Ngôn ngữ và EQ trường Brendon)

Em trả lời câu hỏi, làm bài tập theo một trong hai cách sau:

- Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời mà em chọn.
- Viết ý kiến của em vào chỗ trống.

1. Nhân vật xưng “tôi” trong đoạn văn trên là ai? (0,5 điểm)

- A.Hạt mầm
- B.Hạt mưa
- C.Mảnh đất
- D.Bầu trời

2. Điều gì khiến cho hạt mầm thức dậy? (0,5 điểm)

- A.Bàn tay chăm sóc của con người.
- B.Mặt đất ẩm ướt.
- C.Bầu trời rộng lớn.
- D.Những giọt mưa mát lạnh.

3. Hạt mầm đã phát triển, thay đổi như thế nào? (0,5 điểm)

- A. Từ hạt mầm, được ngâm ủ trong nước nảy lên những lá vàng.
- B. Từ hạt mầm nhú thành mầm cây với những chiếc lá xanh.
- C. Từ hạt mầm được rang chín nhú thành mầm cây xanh tốt.
- D. Từ hạt mầm bị úng nước mưa đến thối đen.

4. Mầm cây thực sự cần điều gì? (0,5 điểm)

- A. Tình yêu thương của con người.
- B. Những cơn mưa mát lạnh.
- C. Những tia nắng ấm áp.
- D. Những chất dinh dưỡng quý báu.

5. Theo em, tại sao cây lại cần tình yêu thương quý báu của con người? (1,0 điểm)

6. Em đã làm những gì để góp phần chăm sóc, bảo vệ cây xanh? (1,0 điểm)

7. Câu nào dưới đây có hình ảnh nhân hoá? (0,5 điểm)

- A. Mảnh đất ẩm ướt giúp hạt giống nảy mầm.
- B. Bầu trời bao la rộng lớn có màu xanh biếc.
- C. Cô bé hạt đậu đang ngủ say trong lòng đất.
- D. Trời càng ngày càng đổ mưa nhiều hơn.

8. Hãy nối về câu ở cột A với bộ phận trả lời cho câu hỏi “Khi nào?” thích hợp ở cột B. (0,5 điểm)

Cột A	Cột B
Hạt mầm bưng tỉnh	khi có cơn gió nhẹ thoảng qua.
Hai chiếc lá bé tí nhú ra	khi được những hạt mưa mát lạnh đánh thức.
Mầm cây khẽ đung đưa	khi hạt mầm vươn mình khỏi mặt đất.

9. Điền dấu câu thích hợp vào mỗi ô trống: (1,0 điểm)

- a) Khi vươn lên khỏi mặt đất tới, ầm, mầm cây reo lên khe khẽ □ “Bầu trời đẹp đẽ quá!”
- b) Cây xanh muốn phát triển cần có đủ các điều kiện như □ đất, nước, không khí, ánh sáng.

B. Kiểm tra viết (10 điểm)

I. Chính tả nghe – viết (4 điểm – 15 phút)

Lâu đài cổ tích

*Cô công chúa vẫn cười tinh nghịch
Nhìn hoàng tử bằng ánh mắt biếc xanh
Câu chuyện cổ với hạnh phúc tốt lành
Đã giữ lại trong tim mình: Thơ ấu!
Đã xa rồi bao tháng năm yêu dấu
Qua những mùa trăng thương nhớ không tên
Tóc buông lơ lửng qua vai nhỏ ấm mềm
Đành cất lại trong lâu đài cổ tích.*

(Dương Thuý Chinh)

II. Tập làm văn (6 điểm – 35 phút)

Em hãy tưởng tượng mình đang ngồi trên một con tàu bay vào vũ trụ. Hình dung và tả lại những gì em nhìn thấy xung quanh.

ĐỀ SỐ 2

A. Bài kiểm tra Đọc, Nghe và Nói – Kiến thức tiếng Việt (10 điểm – 35 phút)

I. Đọc thành tiếng (4 điểm)

- Ở mục này, các em có thể đọc một đoạn trích trong bài Tập đọc đã học trong SGK Tiếng Việt 3, tập 2 và trả lời câu hỏi hoặc đọc một đoạn văn thích hợp ở ngoài SGK.
- Đề không trình bày nội dung của phần Đọc thành tiếng.

II. Đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt (6 điểm)

Đọc bài sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Em trả lời câu hỏi, làm bài tập theo một trong hai cách sau:

- Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời mà em chọn.
- Viết ý kiến của em vào chỗ trống.

Bạn tốt hay xấu thì liên quan gì đến mình?



Ở lớp Yến có một thành viên rất đặc biệt, các bạn thường bảo: chắc trời có sập xuống thì cậu ta cũng chẳng quan tâm đâu. Đây là Bình “một sách”! Cái tên gọi đã nói lên tính cách. Cậu bạn suốt ngày chúi mũi vào sách vở, chẳng chơi với ai. Có mấy bạn trong lớp còn cá cược với nhau: Một Sách có nhớ hết tên và mặt các thành viên của lớp không? Một lần, cả lớp cùng tham gia kéo co tập thể. Vậy mà Một Sách nhất quyết không tham gia. Cậu bảo: “Tớ không thích. Mấy chuyện đấy chẳng giúp được gì!”. Đến khi Một Sách đi học bị đau bụng. Nhờ bạn cùng bàn phát hiện đưa lên phòng y tế kịp thời, cậu mới không phải vào bệnh viện. Cũng từ đấy, Một Sách thay đổi hẳn: quan tâm đến bạn bè nhiều hơn. Ai cũng yêu quý Một Sách, và tất nhiên không thể thiếu Yến rồi!

(Theo Hoài Trang)

1. Vì sao Bình bị cả lớp gọi là “một sách”? (0,5 điểm)

- A. Vì cậu suốt ngày đi chơi, không chịu học hành.
- B. Vì cậu suốt ngày ngồi một mình trong lớp, không nói chuyện với ai.
- C. Vì cậu không thích tham gia trò chơi kéo co cùng cả lớp.
- D. Vì cậu suốt ngày đọc sách, không chơi với các bạn trong lớp.

2. Các bạn trong lớp cá cược với nhau điều gì? (0,5 điểm)

- A. Bình có nhớ hết mặt và tên các bạn trong lớp không.
- B. Bình có chơi kéo co với các bạn trong lớp không.
- C. Bình đọc được bao nhiêu quyển sách một ngày.
- D. Bình có giải được các bài toán trong sách không.

3. Vì sao Bình không tham gia kéo co cùng các bạn trong lớp? (0,5 điểm)

- A. Vì cậu cho rằng việc đó rất nguy hiểm.
- B. Vì cậu cho rằng việc đó rất tốn sức lực.
- C. Vì cậu cho rằng việc đó rất vô ích.
- D. Vì cậu sợ bị cô giáo mắng vì nghịch ngợm.

4. Chuyện gì khiến cho Bình “một sách” thay đổi thái độ với các bạn? (0,5 điểm)

- A. Cậu bị đau bụng và được mọi người giúp đỡ kịp thời.
- B. Cậu bị đau bụng và được các bạn đưa đi bệnh viện.
- C. Cậu bị đau bụng và được các bạn đến nhà thăm hỏi.
- D. Cậu bị đau bụng và các bạn nói với cô giáo đưa cậu đi khám.

5. Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì? (1,0 điểm)

6. Đặt mình vào vai Bình “một sách” sau khi được các bạn đưa lên phòng y tế, hãy nói lời xin lỗi và lời hứa với các bạn trong lớp? (1,0 điểm)

7. Đặt dấu phẩy vào 2 vị trí thích hợp trong câu văn dưới đây: (0,5 điểm)

Những ngày đầu mới đến trường Bình suốt ngày chúi mũi vào sách vở chẳng chơi với ai.

8. Chọn bộ phận trả lời cho câu hỏi “Bằng gì?” thích hợp để hoàn thành câu: *Bố tặng cho mẹ một chiếc áo...* (0,5 điểm)

- A. bằng lụa tơ tằm
- B. bằng những đường may khéo léo
- C. bằng những chiếc cúc xinh xắn
- D. bằng những nét vẽ tinh tế

10. Điền các từ ngữ được nhân hóa trong đoạn văn sau vào ô trống cho phù hợp: (M2-1,0 điểm)

Bến cảng lúc nào cũng đông vui. Tàu mẹ, tàu con đậu đầy mặt nước. Xe anh, xe em tíu tít nhận hàng về và chở hàng ra. Tất cả đều bận rộn.

Tên sự vật	Từ ngữ gọi sự vật như người	Từ ngữ tả sự vật như người

B. Kiểm tra viết (10 điểm)

I. Chính tả nghe – viết (4 điểm – 15 phút)

Thơ tặng dòng sông

*Gió đã thổi giêng hai
 Triền sông ngô xanh mướt
 Nghe dào dạt lá hát
 Chiều mờ màng xanh trong
 Bao thương nhớ đầy vơi
 Sóng gởi đầu trên bãi
 Đất trông tươi trẻ lại
 Mùa gọi mùa sây bông.*

(Nguyễn Trọng Hoàn)

II. Tập làm văn (6 điểm – 35 phút)

Hãy viết một đoạn văn giới thiệu về quê hương em.

ĐỀ SỐ 3

A. Bài kiểm tra Đọc, Nghe và Nói – Kiến thức tiếng Việt (10 điểm – 35 phút)

I. Đọc thành tiếng (4 điểm)

- Ở mục này, các em có thể đọc một đoạn trích trong bài Tập đọc đã học trong SGK Tiếng Việt 3, tập 2 và trả lời câu hỏi hoặc đọc một đoạn văn thích hợp ở ngoài SGK.

- Đề không trình bày nội dung của phần Đọc thành tiếng.

II. Đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt (6 điểm)

Đọc bài sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Nhím con kết bạn

Trong một khu rừng nọ có một chú Nhím chỉ sống một mình, rất nhút nhát nên chú không quen biết bất kì một con vật nào khác sống trong rừng.

Vào một buổi sáng đẹp trời, nhím con đi kiếm quả để ăn. Bỗng một chú Sóc nhảy tới và nói:

- Chào bạn! Tôi rất vui sướng được gặp bạn.



Nhím con bối rối nhìn Sóc, rồi quay đầu chạy trốn vào một bụi cây. Nó cuộn tròn người lại mà vẫn run vì sợ.

Ngày tháng trôi qua, những chiếc lá trên cây bắt đầu chuyển màu và rụng xuống.

Nhím con quyết định phải mau chóng tìm một nơi an toàn và ấm áp để trú đông.

Trời ngày càng lạnh hơn. Một hôm nhím con đang đi tìm nơi trú đông thì trời đổ mưa. Nhím sợ hãi cầm đầu chạy.

Bỗng nó lao vào một đống lá. Nó chợt nhận ra sau đống lá là một cái hang “Chào bạn!”. Một giọng ngái ngủ của một chú nhím khác cất lên. Nhím con vô cùng ngạc nhiên.

Sau khi trấn tĩnh lại. Nhím con bẽn lễn hỏi:

- Tên bạn là gì?

- Tôi là Nhím Nhí.

Nhím con run run nói: “Tôi xin lỗi bạn, tôi không biết đây là nhà của bạn”.

Nhím Nhí nói: “Không có hề gì. Thế bạn đã có nhà trú đông chưa? Tôi muốn mời bạn ở lại với tôi qua mùa đông. Tôi ở đây một mình buồn lắm.

Nhím con rụt rè nhận lời và cảm ơn lòng tốt của bạn. Cả hai thu dọn và trang trí chỗ ở gọn đẹp.

Chúng rất vui vì không phải sống một mình trong mùa đông gió lạnh.

(Trần Thị Ngọc Trâm, <http://www.mamnon.com>)

Em trả lời câu hỏi, làm bài tập theo một trong hai cách sau:

- Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời mà em chọn.
- Viết ý kiến của em vào chỗ trống.

1. Vì sao Nhím con lại không quen biết bất kì loài vật nào trong rừng? (0,5 điểm)

- A. Vì Nhím xấu xí nên không ai chơi cùng.
- B. Vì Nhím chỉ ở trong nhà, không ra ngoài bao giờ.
- C. Vì Nhím sống một mình, không có ai thân thiết.
- D. Vì Nhím nhút nhát, luôn rụt rè, sợ sệt.

2. Ba chi tiết nào dưới đây cho thấy Nhím con rất nhút nhát? (0,5 điểm)

- A. Khi được Sóc chào, Nhím chạy trốn vào bụi cây, cuộn tròn người lo sợ.
- B. Mùa đông đến, Nhím mau chóng tìm một nơi an toàn và ấm áp để trú rét.
- C. Thấy trời bỗng đổ mưa, Nhím sợ hãi cầm đầu chạy.
- D. Nhím con đồng ý ở lại trú đông cùng với Nhím Nhí.

3. Vì sao Nhím Nhí mời Nhím con ở lại với mình qua mùa Đông? (0,5 điểm)

- A. Vì Nhím Nhí ở một mình rất buồn.
- B. Vì Nhím Nhí biết Nhím con chưa có nhà trú đông.
- C. Vì Nhím Nhí và Nhím con là bạn thân.
- D. Vì Nhím Nhí biết Nhím con ở một mình rất buồn.

4. Nhím con cảm thấy như thế nào khi ở cùng Nhím Nhí? (0,5 điểm)

- A. Nhím con cảm thấy rất vui khi có bạn.
- B. Nhím con cảm thấy yên tâm khi được bảo vệ.

- C. Nhím con vẫn cảm thấy lo sợ.
- D. Nhím con vẫn cảm thấy buồn lắm.

5. Câu chuyện cho em bài học gì? (1,0 điểm)

6. Lớp học của em có một bạn mới từ trường khác chuyển đến. Để giúp bạn hoà nhập với các bạn trong lớp, em sẽ làm gì? (1,0 điểm)

7. Dấu hai chấm trong đoạn văn sau dùng để làm gì? (0,5 điểm)

Nhím con bẽn lẽn hỏi:

- Tên bạn là gì?
- Tôi là Nhím Nhí.

- A. Báo hiệu lời giải thích cho một sự việc.
- B. Báo hiệu lời nói của nhân vật.
- C. Báo hiệu phần chú thích.
- D. Báo hiệu từ ngữ được dùng với nghĩa đặc biệt.

8. Gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Vì sao” trong câu dưới đây. (0,5 điểm)

“Nhím Con và Nhím Nhí rất vui vì chúng không phải sống một mình suốt mùa đông giá lạnh.”

9. Viết 1 câu sử dụng biện pháp nhân hoá để nói về: (1,0 điểm)

- a) Chiếc lá:
- b) Bầu trời:

B. Bài kiểm tra viết (10 điểm)

I. Chính tả nghe – viết (4 điểm – 15 phút)

Lao xao

Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở hoa trắng xóa. Hoa dẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng bụ bẫm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cả bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rủ nhau lặng lẽ bay đi.

(Duy Khán)

II. Tập làm văn (6 điểm – 35 phút)

Kể về một ngày hội mà em đã chứng kiến hoặc tham gia.

ĐỀ SỐ 4

A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Kiểm tra đọc thành tiếng: (4 điểm):

II. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra từ và câu: (6 điểm) (35 phút)

1. Đọc thầm và trả lời câu hỏi:

Ong Thợ

Trời hé sáng, tổ ong mật nằm trong gốc cây bỗng hóa rộn rịp. Ong thường thức dậy sớm, suốt ngày làm việc không chút nghỉ ngơi. Ong Thợ vừa thức giấc đã vội vàng bước ra khỏi tổ, cất cánh tung bay. Ở các vườn chung quanh, hoa đã biến thành quả. Ong Thợ phải bay xa tìm những bông hoa vừa nở. Con đường trước mắt Ong Thợ mở rộng thênh thang. Ông mặt trời nhô lên cười. Hôm nào Ong Thợ cũng thấy ông mặt trời cười. Cái cười của ông hôm nay càng rạng rỡ. Ong Thợ càng lao thẳng về phía trước.

Chợt từ xa, một bóng đen xuất hiện. Đó là thằng Quạ Đen. Nó lướt về phía Ong Thợ, xoẹt sát bên Ong Thợ toan đớp nuốt. Nhưng Ong Thợ đã kịp lách mình. Thằng Quạ Đen đuổi theo nhưng không tài nào đuổi kịp. Đường bay của Ong Thợ trở lại thênh thang.

Theo Võ Quảng.

2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1: Tổ ong mật nằm ở đâu?

- A. Trên ngọn cây.
- B. Trên vòm lá.
- C. Trong gốc cây.
- D. Trên cành cây.

Câu 2: Tại sao Ong Thợ không tìm mật ở những khu vườn chung quanh?

- A. Vì ở các vườn chung quanh hoa đã biến thành quả.
- B. Vì ở các vườn chung quanh có Quạ Đen.
- C. Vì ở các vườn chung quanh hoa không có mật.
- D. Vì Ong Thợ không thích kiếm mật ở vườn xung quanh.

Câu 3: Quạ Đen đuổi theo Ong Thợ để làm gì?

- A. Để đi chơi cùng Ong Thợ.
- B. Để đi lấy mật cùng Ong Thợ.
- C. Để toan đớp nuốt Ong Thợ.
- D. Để kết bạn với Ong Thợ.

Câu 4: Trong đoạn văn trên có những nhân vật nào?

- A. Ong Thợ.
- B. Quạ Đen, Ông mặt trời
- C. Ong Thợ, Quạ Đen
- D. Ong Thợ, Quạ Đen, Ông mặt trời

Câu 5: Ong Thợ đã làm gì để Quạ Đen không đuổi kịp?

- A. Ong Thợ quay lại định đón nuốt Quạ Đen.
- B. Ong Thợ nhanh nhẹn lách mình tránh Quạ Đen.
- C. Ong Thợ bay trên đường bay rộng thênh thang.
- D. Ong Thợ bay về tổ.

Câu 6: Em có suy nghĩ gì về hành động, việc làm của Ong Thợ khi gặp Quạ Đen? Viết từ 1 câu nêu suy nghĩ của em:

Câu 7: Câu nào dưới đây có hình ảnh nhân hóa?

- A. Ông mặt trời nhô lên cười.
- B. Con đường trước mắt Ong Thợ mở rộng thênh thang.
- C. Chợt từ xa, một bóng đen xuất hiện.
- D. Nó lướt về phía Ong Thợ, xoẹt sát bên Ong Thợ toan đón nuốt.

Câu 8: Trong câu “Ong Thợ phải bay xa tìm những bông hoa vừa nở.” Các từ chỉ sự vật trong câu trên là:

Câu 9: Đặt một câu theo mẫu câu: Ai làm gì?

B. Kiểm tra viết (10 điểm)

I. Chính tả - Nghe – viết (4 điểm) (15 phút)

Mùa thu trong trẻo

Trong hồ rộng, sen đang lụi tàn. Những chiếc lá to như cái sàng màu xanh sẫm đã quăn mép, khô dần. Hoa hoàn mới còn vài lá non xanh, nhỏ nhỏ mọc xòe trên mặt nước. Gương sen to bằng miệng bát con, nghiêng như muốn soi chân trời. Tiếng cuốc kêu thưa thớt trong các lùm cây lau sậy ven hồ...

Nguyễn Văn Chương

II . Tập làm văn (25 phút) (6 điểm)

Đề bài: Viết một đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) kể lại một việc em đã làm để góp phần bảo vệ môi trường.

Gợi ý:

- Việc tốt em đã làm để bảo vệ môi trường là việc tốt gì?
- Em đã làm việc tốt đó như thế nào?
- Kết quả của công việc đó ra sao?
- Cảm nghĩ của em sau khi làm việc tốt đó?

ĐỀ SỐ 5

A. Kiểm tra đọc

I. Đọc thành tiếng

Ông tổ nghề thêu

Một lần, Trần Quốc Khái được triều đình cử đi sứ bên Trung Quốc. Vua Trung Quốc muốn thử tài sứ thần, sai dựng một cái lầu cao, mời ông lên chơi, rồi cất thang đi. Không còn lối xuống, ông đành ở lại trên lầu. Lầu chỉ có hai pho tượng Phật, hai cái lồng, một bức trướng thêu ba chữ “Phật trong lòng” và một vò nước.

II. Đọc thầm bài văn sau:

Cây gạo

Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sậu, sáo đen,... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên, lượn xuống. Chúng gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng được. Ngày hội mùa xuân đấy!

Hết mùa hoa, chim chóc cũng vãn. Cây gạo chấm dứt những ngày tưng bừng ồn ã, lại trở về với dáng vẻ xanh mát, trầm tư. Cây đứng im, cao lớn, hiền lành, làm tiêu cho những con đò cập bến và cho những đứa con về thăm quê mẹ.

Theo Vũ Tú Nam

Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho mỗi câu hỏi dưới đây:

Câu 1: Mục đích chính của bài văn trên là tả sự vật nào?

- a. Tả cây gạo.
- b. Tả chim.
- c. Tả cây gạo và chim.

Câu 2: Bài văn tả cây gạo vào thời gian nào?

- a. Mùa hè.
- b. Mùa xuân.
- c. Vào hai mùa kế tiếp nhau.

Câu 3: Câu: “Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi.” thuộc mẫu câu nào?

- a. Ai làm gì?

- b. Ai thế nào?
- c. Ai là gì?

Câu 4 : Bài văn trên có mấy hình ảnh so sánh?

- a. 1 hình ảnh.
- b. 2 hình ảnh.
- c. 3 hình ảnh.

Câu 5: Trong câu “Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim.” tác giả nhân hóa cây gạo bằng cách nào?

- a. Dùng một từ chỉ hoạt động của người để nói về cây gạo.
- b. Gọi cây gạo bằng một từ vốn dùng để gọi người.
- c. Nói với cây gạo như nói với con người.

Câu 6: Đặt câu hỏi cho bộ phận được in đậm trong câu sau:

Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim.

B. Kiểm tra viết

1. Chính tả: (Nghe viết) 15 phút

Giáo viên đọc cho học sinh nghe – viết

Cuộc chạy đua trong rừng

Ngày mai, muông thú trong rừng mở hội thi chạy để chọn con vật nhanh nhất. Ngựa Con thích lắm. Chú tin chắc sẽ giành được vòng nguyệt quế. Chú sửa soạn không biết chán và mải mê soi bóng mình dưới dòng suối trong veo. Hình ảnh chú hiện lên với bộ đồ nâu tuyệt đẹp, với cái bờm dài được chải chuốt ra dáng một nhà vô địch...

2. Tập làm văn (25 phút)

Đề bài: Hãy viết một đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) kể lại một việc tốt em đã làm để góp phần bảo vệ môi trường.

Gợi ý:

Việc tốt em đã làm là việc gì? Em làm khi nào? Vào dịp nào?

Việc làm đó đã diễn ra như thế nào? Kết quả ra sao?

Tác dụng của việc làm đó đối với môi trường và đối với bản thân em

Cảm nghĩ của em sau khi làm việc đó?

ĐỀ SỐ 6

A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (4 điểm)

Giáo viên kiểm tra đọc thành tiếng đối với từng học sinh qua các bài tập đọc trong học kì hai và trả lời câu hỏi nội dung bài.

Tình bạn

Tối hôm ấy, mẹ đi vắng, dặn Cún trông nhà, không được đi đâu. Chợt Cún nghe có tiếng kêu ngoài sân:

- Cứu tôi với!

Thì ra Cáo già đã tóm được Gà con tội nghiệp.

Cún con sợ Cáo nhưng lại rất thương Gà con. Cún nảy ra một kế. Cậu đội mũ sư tử lên đầu rồi hùng dũng tiến ra sân. Cáo già trông thấy hoảng quá, buông ngay Gà con để chạy thoát thân. Móng vuốt của Cáo cào làm Gà con bị thương. Cún liền ôm Gà con, vượt đường xa, vượt đêm tối, chạy một mạch đến nhà bác sĩ Dê núi. Bác sĩ nhanh chóng băng bó vết thương cho Gà con. Gà con run rẩy vì lạnh và đau, Cún liền cởi áo của mình ra đắp cho bạn. Thế là Gà con được cứu sống. Về nhà, Cún kể lại mọi chuyện cho mẹ nghe. Mẹ liền xoa đầu Cún, khen:

- Con đúng là Cún con dũng cảm! Mẹ rất tự hào về con!

Theo Mẹ kể con nghe

II. Đọc thầm và làm bài tập: (6 điểm)

Dựa vào nội dung bài đọc trên, khoanh tròn vào các chữ cái trước ý trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu của mỗi câu hỏi.

Câu 1. Thấy Gà con bị Cáo già bắt, Cún con đã làm gì? (0,5đ)

- A. Cún con đứng nép vào cánh cửa quan sát.
- B. Cún con không biết làm cách nào vì Cún rất sợ Cáo.
- C. Cún nảy ra một kế là đội mũ sư tử lên đầu rồi hùng dũng tiến ra sân.

Câu 2. Vì sao Cáo già lại bỏ Gà con lại và chạy thoát thân? (0,5đ)

- A. Vì Cáo nhìn thấy Cún con.
- B. Vì Cáo già rất sợ sư tử.
- C. Vì Cáo già rất sợ Cún con.

Câu 3. Thấy Gà con đã bị thương, Cún con đã làm những gì để cứu bạn? (0,5đ)

- A. Cún ôm gà con, vượt đường xa, đêm tối để tìm bác sĩ Dê núi.
- B. Cún cởi áo của mình ra đắp cho bạn.
- C. Cún con sợ Cáo và không làm gì để cứu bạn.

Câu 4. Câu: “Cún liền cởi áo của mình ra đắp cho bạn.” Thuộc kiểu câu gì? (0,5đ)

- A. Ai - làm gì?
- B. Ai - thế nào?

C. Ai - là gì?

Câu 5. Trong câu: “Cún liền ôm Gà con, vượt đường xa, vượt đêm tối, chạy một mạch đến nhà bác sĩ Dê núi”. Tác giả sử dụng cách nhân hóa nào? (0,5đ)

A. Dùng từ chỉ người cho vật.

B. Dùng từ hành động của người cho vật .

C. Dùng từ chỉ người và hành động cho vật.

Câu 6. Vì sao Cún cứu Gà con (0,5đ)

A. Cún ghét Cáo

B. Cún thương Gà con

C . Cún thích đội mũ sư tử

Câu 7. Viết một câu có sử dụng biện pháp nhân hóa để nói về Cún con trong bài. (1đ)

Câu 8. Câu chuyện trên muốn khuyên chúng ta điều gì? (1đ)

Câu 9. Đặt dấu hai chấm,dấu phẩy, dấu chấm vào chỗ thích hợp trong câu dưới đây: (1đ)

Vịt con đáp

Cậu đừng nói thế chúng mình là bạn mà

B. Kiểm tra viết:

1. Chính tả (4 điểm)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài: Dòng suối thức (TV 3 tập 2/trang 137)

2. Tập làm văn (6 điểm)

Đề bài: Em hãy kể về một ngày hội mà em đã từng được tham gia hay em biết.

ĐỀ SỐ 7

A. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng (4 điểm): Giáo viên kiểm tra kỹ năng đọc thành tiếng đối với từng học sinh, chọn một bài trong sách TV tập 2.

2. Đọc thầm bài (6 điểm) “Cuộc chạy đua trong rừng” sách HDH Tiếng Việt 3 tập 2B trang 4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất cho các câu hỏi sau:

Câu 1. Muông thú trong rừng mở hội thi gì?

a. Hội thi sắc đẹp.

b. Hội thi hát hay.

c. Hội thi chạy.

d. Hội thi săn mồi.

Câu 2. Ngựa Con đã làm gì để chuẩn bị tham gia hội thi?

- a. Chọn một huấn luyện viên thật giỏi.
- b. Đến bác thợ rèn kiểm tra lại móng.
- c. Nhờ Ngựa Cha chỉ bí quyết thi đấu.
- d. Sửa soạn không biết chán, mãi mê soi bóng mình dưới suối.

Câu 3. Chuyện gì đã xảy ra với Ngựa Con trong cuộc thi?

- a. Một cái móng lung lay rồi rời hẳn ra.
- b. Ngựa Con bị vấp té.
- c. Ngựa Con bị gãy chân.
- d. Ngựa Con không được thi.

Câu 4: Vì sao Ngựa Con không đạt kết quả trong hội thi?

- a. Vì Ngựa Con chạy chậm hơn các bạn.
- b. Vì Ngựa Con bị té.
- c. Vì Ngựa Con luyện tập quá sức.
- d. Vì Ngựa Con chủ quan, không chuẩn bị chu đáo cho cuộc thi.

Câu 5. Câu chuyện này nói đến cuộc chạy đua của ai?

Câu 6: Qua câu chuyện này, em rút ra được bài học gì?

Câu 7. Câu nào dưới đây được viết theo mẫu: Ai là gì?

- a. Ngựa Con tham gia hội thi chạy.
- b. Ngựa Con là con vật chạy nhanh nhất
- c. Chị em nhà Hươu sốt ruột gặm lá.
- d. Ngựa Con không nghe lời cha.

Câu 8. Trong các câu sau, câu nào có sự vật được nhân hóa?

- a. Ngựa Con mãi mê soi bóng mình dưới suối
- b. Ngựa Cha khuyên con.
- c. Các vận động viên rần rần chuyển động.
- d. Bác Quạ bay đi bay lại giữ trật tự.

Câu 9: Đặt câu theo mẫu Ai làm gì? Nói về Ngựa Con trong bài:

B. KIỂM TRA VIẾT

1. Chính tả: (4 điểm) Nghe – viết bài “Bác sĩ Y-éc-Xanh” sách HDH Tiếng Việt 3 tập 2B trang 47. (Đoạn viết: Bà khách ước aotrí tưởng tượng của bà).

2. Tập làm văn: (6 điểm) Viết một đoạn văn ngắn (từ 6-8 câu) kể lại việc em đã làm để góp phần bảo vệ môi trường theo gợi ý sau:

- Em đã làm việc gì?

- Em làm việc đó ở đâu?
- Em làm cùng với ai?
- Kết quả công việc ra sao?
- Sau khi làm việc đó, em cảm thấy thế nào?

ĐỀ SỐ 8

I. ĐỌC HIỂU

Đọc thầm bài văn sau:

Bản Xô-nát ánh trăng

Vào một đêm trăng đẹp, có một người đàn ông đang dạo bước trên hè phố. Ông bỗng nghe thấy tiếng đàn dương cầm ấm áp vọng ra từ căn nhà nhỏ cuối ngõ. Ngạc nhiên, ông đi đến bên cửa sổ và lắng nghe. Chợt tiếng đàn ngừng bật và giọng một cô gái cất lên:

- Con đánh hỏng rồi. Ước gì con được một lần nghe Bét-tô-ven đàn.
- Ôi, giá mà cha có đủ tiền để mua vé cho con.

Nghe thấy thế, người đàn ông gõ cửa vào nhà và xin phép được chơi đàn. Cô gái đứng dậy nhường đàn. Lúc này người khách mới nhận ra cô bị mù. Niềm xúc động trào lên trong lòng, từ tay ông, những nốt nhạc kì diệu, lấp lánh vang lên.

Hai cha con lặng đi rồi như bừng tỉnh, cùng thốt lên:

- Trời ơi, có phải ngài chính là Bét-tô-ven?

Phải, người khách chính là Bét-tô-ven - nhà soạn nhạc vĩ đại. Ông đã từng biểu diễn khắp châu Âu nhưng chưa bao giờ chơi đàn với một cảm xúc mãnh liệt, thanh cao như lúc này.

Rồi dưới ánh trăng huyền ảo, tràn ngập, trước sự ngạc nhiên, xúc động của cô gái mù, Bét-tô-ven đã đánh một bản đàn tùy hứng. Âm thanh tuôn chảy dạt dào, rực sáng, ca ngợi những gì đẹp đẽ nhất.

Ngay đêm đó, bản nhạc tuyệt tác đã được ghi lại. Đó chính là bản xô-nát Ánh trăng.

(Theo Tạp chí âm nhạc, Hoàng Lê sưu tầm)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Đang đi dạo dưới ánh trăng, Bét-tô-ven nghe thấy gì?

- Tiếng đàn dương cầm vọng ra từ căn nhà cuối phố.
- Tiếng hát vang lên từ căn nhà cuối phố.

c. Tiếng ai chơi đàn dương cầm bản xô-nát Ánh trăng từ căn nhà cuối phố.

Câu 2. *Đứng bên cửa sổ lắng nghe tiếng đàn, Bét-tô-ven tình cờ biết được điều gì?*

a. Cô gái đánh đàn ước được đi du lịch nhưng không có tiền.

b. Cô gái đánh đàn ước được một lần nghe Bét-tô-ven chơi đàn nhưng không đủ tiền mua vé.

c. Cô gái đánh đàn ước sẽ chơi đàn giỏi như Bét-tô-ven.

Câu 3. *Những từ ngữ nào được dùng để tả cảm xúc và tiếng đàn của Bét-tô-ven?*

a. Niềm xúc động trào lên trong lòng, cảm xúc mãnh liệt, thanh cao.

b. Những nốt nhạc kì diệu, lấp lánh.

c. Tiếng đàn réo rắt, du dương.

d. Âm thanh tuôn chảy dạt dào, rực sáng, ca ngợi những gì đẹp đẽ nhất.

Câu 4. *Nhờ đâu Bét-tô-ven có được cảm hứng để sáng tác bản xô-nát Ánh trăng (xuất phát từ đâu)?*

a. Sự yêu thích của ông trước cảnh đẹp đêm trăng.

b. Sự mong muốn được nổi tiếng hơn nữa của ông.

c. Sự xúc động và niềm thông cảm sâu sắc của ông trước tình yêu âm nhạc của cô gái mù nghèo khổ mà ông đã bất ngờ gặp trong một đêm trăng huyền ảo.

Câu 5. *Qua câu chuyện "Bản xô-nát Ánh trăng", em hiểu Bét-tô-ven là một nhạc sĩ như thế nào?*

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Câu 1. Nhạc sĩ là người chuyên sáng tác hoặc biểu diễn âm nhạc. Hãy tìm những từ có tiếng "sĩ" để chỉ người sáng tác hay biểu diễn như vậy điền vào chỗ trống cho thích hợp.

a) Những người chuyên sáng tác thơ ca gọi là:...

b) Những người chuyên vẽ tranh nghệ thuật gọi là

c) Những người chuyên biểu diễn các bài hát gọi là

d) Những người chuyên sáng tác hoặc biểu diễn nghệ thuật gọi là:...

Câu 2. Âm nhạc là tên một ngành nghệ thuật. Trong dãy từ sau, những từ nào chỉ tên các ngành nghệ thuật?

kịch nói, ảo thuật, xiếc, tuồng, nhiếp ảnh, dệt vải, điêu khắc, hội họa.

Câu 3. Đánh đàn là một hoạt động nghệ thuật. Trong dãy từ sau, những từ nào chỉ hoạt động nghệ thuật?

đóng phim, múa, tạc tượng, ngâm thơ, may máy, biểu diễn, sáng tác.

Câu 4. Điền dấu phẩy vào những chỗ thích hợp trong đoạn văn sau:

"Bản xô-nát Ánh trăng" là một câu chuyện xúc động nói về nhạc sĩ thiên tài Bét-tô-ven. Trong một đêm trăng huyền ảo ông đã bất ngờ gặp một cô gái mù nghèo khổ nhưng lại say mê âm nhạc. Số phận bất hạnh và tình yêu âm nhạc của cô gái đã khiến ông vô cùng xúc động thương cảm và day dứt. Ngay trong đêm ấy nhà soạn nhạc thiên tài đã hoàn thành bản nhạc tuyệt vời: bản xô-nát Ánh trăng.

III. LUYỆN NÓI - VIẾT

Trước tình yêu âm nhạc của cô gái mù, Bét-tô-ven đã tấu lên một bản nhạc tuyệt diệu. Đặt mình vào vai Bét-tô-ven, em hãy viết một đoạn văn nói lên cảm xúc của mình lúc ngẫu hứng sáng tác bản xô-nát Ánh trăng.

ĐỀ SỐ 9

A. Kiểm tra đọc:

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (4 điểm)

Cho học sinh đọc một trong các bài tập đọc từ tuần 29 đến tuần 34 (Giáo viên chọn các đoạn trong Sgk TV3 tập 2 ghi tên bài số trang trong sách giáo khoa vào phiếu cho từng học sinh bốc thăm đọc thành tiếng đoạn văn do giáo viên đánh dấu.)

2. Đọc hiểu và làm bài tập (6 điểm)

Con cá thông minh

Cá Quả mẹ và đàn con rất đông sống trong một cái hồ lớn. Hàng ngày Cá mẹ dẫn đàn con đi quanh hồ kiếm ăn.

Một ngày kia, thức ăn trong hồ tự nhiên khan hiếm. Cá mẹ dẫn đàn con sục tìm mọi ngóc ngách trong hồ mà vẫn không kiếm đủ thức ăn. Đàn cá con bị đói gầy rộc đi và kêu khóc âm ỉ. Cá Quả mẹ cũng phải nhịn ăn mấy ngày, nó nhìn đàn con đói mà đau đớn vì bất lực.

Một hôm, Cá Quả mẹ nhìn lên mặt nước và nảy ra một ý nghĩ liêu lĩnh. Nó nhảy phốc lên bờ, nằm thẳng cẳng giả vờ chết. Một đàn Kiến từ đâu bò tới tưởng con cá chết tranh nhau leo lên mình nó thi nhau cắn. Cá Quả mẹ đau quá, nó nhắm chặt mắt định nhảy xuống nước, song nghĩ đến đàn con đói, nó lại ráng chịu đựng. Lát sau, hàng trăm con Kiến đã leo hết lên mình Cá mẹ. Cá Quả mẹ liền cong mình nhảy tùm xuống hồ, chỗ đàn con đang đợi. Đàn Kiến nổi lênh bênh, những chú Cá con thi nhau ăn một cách ngon lành. Cá Quả mẹ mình mẩy bị Kiến cắn đau như nhưng nó vô cùng sung sướng nhìn đàn con được một bữa no nê.

Dựa theo nội dung bài đọc, khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho mỗi câu hỏi dưới đây:

Câu 1. Cá Quả mẹ và đàn con sống ở đâu?

- A. trong ao
- B. cái hồ lớn
- C. ngoài biển

Câu 2. Cá Quả mẹ nhìn đàn con đói mà đau đớn vì...

- A. bắt lợc
- B. quá đông
- C. đi quanh hồ

Câu 3. Cá Quả mẹ mình mẩy bị Kiến cắn đau nhưr nhưng nó vô cùng sung sướng vì ...

- A. diệt được đàn kiến
- B. được ăn no
- C. đàn con được ăn no

Câu 4. Qua câu chuyện “Con cá thông minh” em thấy Cá Quả mẹ có đức tính gì?

- A. dũng cảm
- B. hi sinh
- C. siêng năng

Câu 5. Trong câu “Một hôm, Cá Quả mẹ nhìn lên mặt nước và nảy ra một ý nghĩ liêu lĩnh.” tác giả nhân hóa Cá Quả mẹ bằng cách nào?

- A. Gọi Cá Quả mẹ bằng một từ vốn dùng để gọi người.
- B. Dùng một từ vốn chỉ hoạt động của người để nói về Cá Quả mẹ.
- C. Nói với Cá Quả mẹ như nói với người.

Câu 6. Em hãy chọn một từ để thay thế cho từ “liêu lĩnh” trong câu “Một hôm, Cá Quả mẹ nhìn lên mặt nước và nảy ra một ý nghĩ liêu lĩnh.”

- A. đại dột
- B. thông minh
- C. đau đớn

Câu 7. Em hãy viết một câu có sử dụng nhân hóa để nói về Cá Quả mẹ.

Câu 8. Em có suy nghĩ gì về hành động tìm mồi của Cá Quả mẹ?

B. Kiểm tra viết:

1. Chính tả nghe viết (4 điểm)

Đọc cho học sinh viết bài.

2. Tập làm văn (6 điểm)

Viết một đoạn văn (từ 7 đến 10 câu) kể lại một trận thi đấu thể thao mà em biết hoặc đã được xem.

ĐỀ SỐ 10

I. ĐỌC HIỂU

Đọc thầm bài thơ sau:

TIẾNG GÀ TRƯA

Trên đường hành quân xa
Dừng chân bên xóm nhỏ
Tiếng gà ai nhảy ổ:
"Cục, cục tác... cục ta..."
Nghe xao động nắng trưa
Nghe bàn chân đỡ mỏi
Nghe gọi về tuổi thơ.
Tiếng gà trưa
Ổ rơm hồng những trứng
Này con gà mái mơ
Khắp mình hoa đốm trắng
Này con gà mái vàng
Lông óng như màu nắng.
Cứ hằng năm, hằng năm
Khi gió mùa đông tới
Bà lo đàn gà toi
Mong trời đừng sương muối
Đế cuối năm bán gà
Cháu được quần áo mới.
Cháu chiến đấu hôm nay
Vì lòng yêu Tổ quốc
Vì xóm làng thân thuộc
Bà ơi, cũng vì bà
Vì tiếng gà cục tác
Ổ trứng hồng tuổi thơ.

(Xuân Quỳnh)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Trên đường hành quân, anh bộ đội nghe thấy gì?

- a. Tiếng gà nhảy ổ kêu cục tác, cục ta.
- b. Tiếng người gọi.
- c. Tiếng bước chân hành quân rầm rập.

Câu 2. Từ "nghe" được nhắc lại nhiều lần có tác dụng gì?

- a. Tả tiếng gà lan toả rất xa.
- b. Nhấn mạnh sự tác động của tiếng gà đến tâm hồn anh bộ đội.
- c. Tả tiếng gà ngân dài.

Câu 3. Anh bộ đội nhớ những gì ở quê nhà?

- a. Nhớ những quả trứng hồng trong ổ rơm.
- b. Nhớ vẻ đẹp của những con gà mái.
- c. Nhớ bạn bè học cùng một lớp.
- d. Nhớ người bà tần tảo nuôi gà, chăm sóc cháu.

Câu 4. Anh bộ đội chiến đấu vì những mục đích gì?

- a. Để bảo vệ Tổ quốc thân yêu.
- b. Để bảo vệ làng xóm thân thuộc.
- c. Vì hạnh phúc của những người thân yêu như bà.
- d. Để trở thành một anh hùng.
- e. Vì những điều giản dị như ổ trứng hồng và tiếng gà cục tác.

Câu 5. Vì sao anh bộ đội lại khẳng định anh chiến đấu vì "tiếng gà cục tác, ổ trứng hồng tuổi thơ"?

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Câu 1. Dựa vào các câu thơ:

Này con gà mái mơ
Khắp mình hoa đốm trắng
Này con gà mái vàng
Lông óng như màu nắng

Hãy viết hai câu văn có sử dụng nhân hoá và so sánh:

- a) Về con gà mái mơ.
- b) Về con gà mái vàng.

Câu 2. Bộ phận được in đậm trong mỗi câu sau trả lời cho câu hỏi nào?

a) **Khi dừng chân bên xóm nhỏ**, nghe tiếng gà nhảy ổ, anh bộ đội đã nhớ về tuổi thơ ở quê hương.

A. Khi nào?

B. Ở đâu?

C. Làm gì?

b) **Xa nhà, xa quê lâu ngày**, nghe thấy một tiếng gà, anh bộ đội thấy lòng thật xao xuyến.

A. Khi nào?

B. Ở đâu?

C. Làm gì?

Câu 3. Điền dấu phẩy vào những chỗ thích hợp trong hai câu sau:

a) Tiếng gà gọi cho anh bộ đội nhớ về những kỉ niệm tuổi thơ: ở trứng hồng những con gà mái mơ những mùa đông sương muối bộ quần áo mới và hình ảnh người bà thân yêu.

b) Đối với anh tiếng gà nhảy ổ là tín hiệu của niềm vui của những điều tốt lành hạnh phúc.

III. LUYỆN NÓI - VIẾT

Hãy tưởng tượng em là anh bộ đội trong bài "Tiếng gà trưa", viết về cảm xúc của mình khi nghe tiếng gà xao động nắng trưa.